

Số: 2952 /ĐHQGHN-KHCN  
V/v thông báo danh mục đề tài  
KH&CN cấp ĐHQGHN năm 2022

*Hà Nội, ngày 05 tháng 10 năm 2021*

Kính gửi: Các đơn vị đào tạo, nghiên cứu thành viên và trực thuộc

Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) thông báo danh mục đề tài khoa học và công nghệ (KH&CN) cấp ĐHQGHN năm 2022. Căn cứ vào danh mục đề tài tại phụ lục đính kèm, đơn vị hướng dẫn các nhà khoa học xây dựng thuyết minh và gửi ĐHQGHN trước ngày 20/10/2021 để ĐHQGHN tổ chức thẩm định.

Với việc ứng dụng hệ thống phần mềm quản lý nhiệm vụ KH&CN trong thẩm định thuyết minh nhiệm vụ, ĐHQGHN sẽ có hướng dẫn chi tiết sau.

ĐHQGHN trân trọng thông báo./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Giám đốc (để b/c);
- Lưu: VT, KHCN, P25.

**KT. GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Phạm Bảo Sơn**

**Phụ lục**  
**DANH MỤC ĐỀ TÀI KH&CN CẤP ĐHQGHN NĂM 2022**  
*(Kèm theo Công văn số 2952 /ĐHQGHN-KHCN ngày 05 tháng 10 năm 2021 của ĐHQGHN)*

TT	Tên đề tài	Mục tiêu	Kết quả đề tài (kết quả nghiên cứu, công trình công bố, kết quả đào tạo,..)
<b>1. Hội đồng Khoa học và công nghệ Sự sống</b>			
1.	Nghiên cứu xác định protein trong huyết tương/ dịch não tủy của bệnh nhân bị bệnh thần kinh tự miễn nhằm định hướng ứng dụng trong chẩn đoán bệnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá được biểu hiện thay đổi của protein trong huyết tương/ dịch não tủy của bệnh nhân bị bệnh đa xơ cứng sử dụng kỹ thuật proteomics.</li> <li>- Xây dựng được quy trình phân tích protein trong huyết tương/dịch não tủy của bệnh nhân bị bệnh viêm não tủy rải rác cấp tính, bệnh đa xơ cứng và bệnh viêm thị tủy thần kinh</li> <li>- Xác định được sự có mặt của các chuỗi nhẹ tự do kappa và lamda của kháng thể trong huyết tương/dịch não tủy của bệnh nhân bị bệnh viêm não tủy rải rác cấp tính và bệnh đa xơ cứng.</li> </ul>	<p><b>1. Kết quả khoa học</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy trình phân tích protein trong huyết tương/dịch não tủy của bệnh nhân bị bệnh viêm não tủy rải rác cấp tính, bệnh đa xơ cứng và bệnh viêm thị tủy thần kinh bằng phương pháp điện di đẳng điện kết hợp thẩm tách miễn dịch.</li> <li>- Dẫn liệu phân tích mức độ biểu hiện của các protein trong huyết tương/dịch não tủy của bệnh nhân bị bệnh đa xơ cứng.</li> <li>- Dẫn liệu phân tích protein kháng thể trong huyết tương/dịch não tủy của bệnh nhân bị bệnh thần kinh tự miễn.</li> <li>- Dẫn liệu phân tích sự có mặt của các chuỗi nhẹ tự do kappa và lamda của kháng thể trong huyết tương/dịch não tủy của bệnh nhân bị bệnh viêm não tủy rải rác cấp tính và bệnh đa xơ cứng.</li> </ul> <p><b>2. Sản phẩm công bố</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science: 1</li> <li>- Đăng ký sở hữu trí tuệ: 1 giải pháp hữu ích</li> </ul> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Thạc sỹ (được cấp bằng): 1</li> </ul>
2.	Tổng hợp pha rắn, đánh giá tác dụng kháng khuẩn và độ bền đối với enzyme tiêu hóa của một số peptid cải tiến từ Mastoparan C.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng hợp pha rắn được Mastoparan C và 3 peptid cải tiến từ Mastoparan C.</li> <li>- Đánh giá được tác dụng kháng khuẩn của các peptid tổng hợp được trên một số chủng vi sinh vật.</li> <li>- Đánh giá được độ bền với các enzyme tiêu hoá (pepsin, chymotrypsin, trypsin) của các</li> </ul>	<p><b>1. Kết quả khoa học</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phương pháp tổng hợp pha rắn Mastoparan C và một số peptid cải tiến từ Mastoparan C.</li> <li>- Báo cáo phương pháp tổng hợp pha rắn Mastoparan C và một số peptid cải tiến từ Mastoparan C.</li> <li>- Báo cáo đánh giá độ bền của Mastoparan C và một số peptid cải tiến từ Mastoparan C đối với enzyme pepsin, chymotrypsin và trypsin.</li> <li>- Báo cáo đánh giá tác dụng kháng khuẩn của Mastoparan C và một số</li> </ul>

		peptid tổng hợp được.	peptid cải tiến từ Mastoparan C trên vi khuẩn Staphylococcus aureus và Escherichia coli. <b>2. Sản phẩm công bố</b> Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science: 1 <b>3. Sản phẩm đào tạo</b> Thạc sỹ (được cấp bằng): 1
3.	Nghiên cứu biểu hiện của RNA dài không mã hóa (lncRNA) trong mẫu mô và exosome huyết tương của bệnh ung thư phổi không tế bào nhỏ	- Xác định được mức độ biểu hiện của một số lncRNA trong mẫu mô và exosome huyết tương của bệnh ung thư phổi không tế bào nhỏ. - Đánh giá mối liên quan giữa mức độ biểu hiện của một số lncRNA và các đặc điểm bệnh học của bệnh ung thư phổi không tế bào nhỏ để định hướng ứng dụng trong hỗ trợ chẩn đoán cũng như tiên lượng bệnh.	<b>1. Kết quả khoa học</b> - Quy trình phân tích mức độ biểu hiện của lncRNA ở bệnh ung thư phổi không tế bào nhỏ. - Dẫn liệu về mức độ biểu hiện của một số lncRNA trong mẫu mô và exosome huyết tương của 30 bệnh nhân ung thư phổi không tế bào nhỏ. <b>2. Sản phẩm công bố</b> - Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science: 1 - Đăng ký sở hữu trí tuệ: 1 giải pháp hữu ích <b>3. Sản phẩm đào tạo</b> Thạc sỹ (được cấp bằng): 1
4.	Nghiên cứu chiết xuất chất chống ung thư và tạo chế phẩm từ thực vật họ Cúc (Asteraceae) thu thập ở Việt Nam	- Chiết xuất và phân lập được hợp chất có hoạt tính chống ung thư từ thực vật thuộc họ Cúc (Asteraceae) thu thập ở Việt Nam. - Tạo được chế phẩm hỗ trợ điều trị ung thư dưới dạng thực phẩm chức năng. - Đánh giá được tính an toàn của chế phẩm trên mô hình thực nghiệm.	<b>1. Kết quả khoa học</b> - Quy trình chiết tách cặn chiết 2-3 hợp chất có hoạt tính chống ung thư ở họ Cúc. - Quy trình điều chế chế phẩm hỗ trợ điều trị ung thư dạng thực phẩm chức năng. - 1 gam chất tinh khiết có hoạt tính chống ung thư (hoặc cặn chiết giàu chất có hoạt tính được định lượng tương đương). - 01 mẫu sản phẩm điều chế. <b>2. Sản phẩm công bố</b> - Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Scopus: 1 - Đăng ký sở hữu trí tuệ: 1 giải pháp hữu ích <b>3. Sản phẩm đào tạo</b> Thạc sỹ (được cấp bằng): 1
5.	Nghiên cứu tác dụng của sản phẩm chiết từ Sâm Vũ Diệp lên tín hiệu điều hòa chuyển hóa năng lượng nội bào AMPK/PGC1 $\alpha$ trong mô hình bệnh nhồi máu cơ tim in	- Đánh giá được tác dụng của cao Sâm Vũ Diệp (SVD) lên tín hiệu điều hòa chuyển hóa năng lượng nội bào AMPK/PGC1 $\alpha$ trong mô hình bệnh nhồi máu cơ tim in	<b>1. Kết quả khoa học</b> - Báo cáo phân tích giá trị EC <sub>50</sub> , liều tối ưu của cao SVD và Araloside A methyl ester đối với tế bào cơ tim H9C2. - Báo cáo kết quả đánh giá tác dụng của cao SVD và Araloside A methyl

	<p>hóa năng lượng nội bào AMPK/PGC1<math>\alpha</math> trong mô hình bệnh nhồi máu cơ tim in vitro</p>	<p>vitro. - Xác định được tác dụng của thành phần chính (Araloside A methyl ester) được tách chiết từ cao SVD lên chức năng ty thể trong mô hình nhồi máu cơ tim in vitro.</p>	<p>ester đối với enzyme NADH dehydrogenase của tế bào cơ tim H9C2 trong mô hình nhồi máu cơ tim in vitro. - Báo cáo kết quả đánh giá tác dụng của cao SVD và Araloside A methyl ester đối với tín hiệu chuyển hóa năng lượng nội bào AMPK/PGC1<math>\alpha</math> trong mô hình nhồi máu cơ tim in vitro. - Báo cáo đánh giá tác dụng của cao SVD và Araloside A methyl ester đối với chức năng ty thể của tế bào cơ tim H9C2 trong mô hình nhồi máu cơ tim in vitro. <b>2. Sản phẩm công bố</b> - Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science: 1 - Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Scopus: 1 <b>3. Sản phẩm đào tạo</b> Thạc sỹ (được cấp bằng): 1</p>
6.	<p>Nghiên cứu độc tính tế bào ung thư và thành phần hoạt chất của dịch chiết methanol từ chủng vi khuẩn lam <i>Scytonema</i> sp. NK1313</p>	<p>- Xác định được cơ chế gây chết tế bào ung thư HeLa của dịch chiết methanol từ chủng vi khuẩn lam <i>Scytonema</i> sp. NK1313. - Xác định được mức độ an toàn của dịch chiết methanol trong nghiên cứu đến sự phát triển phôi cá ngựa vằn. - Xác định được thành phần các hợp chất có hoạt tính trong dịch chiết methanol từ chủng vi khuẩn lam <i>Scytonema</i> sp. NK1313.</p>	<p><b>1. Kết quả khoa học</b> - Dữ liệu thành phần hoạt tính trong dịch chiết methanol từ chủng vi khuẩn lam <i>Scytonema</i> sp. NK1313. - Cơ chế tác động gây chết của dịch chiết methanol từ chủng vi khuẩn lam <i>Scytonema</i> sp. NK1313 lên tế bào ung thư HeLa ở mức độ tế bào và cấp độ hoạt động gen - Dẫn liệu đánh giá khả năng phát triển các hoạt chất có trong dịch chiết methanol từ nghiên cứu này thành liệu pháp điều trị ung thư cổ tử cung. <b>2. Sản phẩm công bố</b> Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science: 1 <b>3. Sản phẩm đào tạo</b> Nghiên cứu sinh (hỗ trợ đào tạo): 1</p>
7.	<p>Nghiên cứu thành phần hóa học và hoạt tính kháng viêm của hai loài <i>Piper sarmentosum</i> Roxb. và <i>Piper longum</i> L. thuộc chi Hồ tiêu <i>Piper</i>.</p>	<p>- Thu nhận được các dịch chiết của hai loài <i>Piper sarmentosum</i> Roxb. và <i>Piper longum</i> L. thuộc chi Hồ tiêu <i>Piper</i>. theo độ phân cực tăng dần của các dung môi hữu cơ. - Phân lập được các hợp chất có hoạt tính sinh học có trong các dịch chiết thu được. - Đánh giá hoạt tính kháng viêm <i>in vitro</i> của các dịch chiết và các hợp chất phân lập</p>	<p><b>1. Kết quả khoa học</b> - 12-20 hợp chất phân lập, tinh sạch từ 2 loài <i>P. sarmentosum</i> và <i>P. longum</i> (có bộ phổ xác định cấu trúc của các hợp chất phân lập được). - Dẫn liệu đánh giá hoạt tính kháng viêm của các hợp chất đã phân lập được. <b>2. Sản phẩm công bố</b> Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science: 2. <b>3. Sản phẩm đào tạo:</b></p>

		được.	Thạc sỹ (được cấp bằng): 1.
8.	Nghiên cứu phát triển mỹ phẩm từ dược liệu có hoạt tính kháng khuẩn và ức chế tyrosinase	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định được 2 - 3 dược liệu có hoạt tính kháng khuẩn và ức chế tyrosinase.</li> <li>- Bảo chế được một sản phẩm mỹ phẩm có tác dụng kháng khuẩn và ức chế tyrosinase.</li> </ul>	<p><b>1. Kết quả khoa học</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 01 mẫu kem bôi da có tác dụng kháng khuẩn và ức chế tyrosinase đạt tiêu chuẩn cơ sở (TCCS).</li> <li>- Báo cáo kết quả đánh giá tác dụng kháng khuẩn và ức chế tyrosinase của 2 - 3 dược liệu thu thập ở Việt Nam.</li> <li>- Báo cáo đánh giá độ ổn định của sản phẩm bào chế.</li> <li>- 01 quy trình chiết xuất phân đoạn dược liệu được chọn.</li> <li>- 01 quy trình công nghệ bào chế sản phẩm mỹ phẩm quy mô 100 lọ/mẻ.</li> </ul> <p><b>2. Sản phẩm công bố</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Scopus: 1</li> <li>- Đăng ký sở hữu trí tuệ: 1 giải pháp hữu ích</li> <li>- Sản phẩm chuyển giao (hợp đồng dịch vụ công nghệ có đối ứng của doanh nghiệp khi nghiên cứu): 1</li> </ul> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo</b></p> <p>Thạc sỹ (được cấp bằng): 1</p>
9.	Xây dựng quy trình điều khiển cây sâm Ngọc Linh (Panax vietnamensis Ha et Grushv) nuôi cấy mô ứng dụng hệ thống IoT kết hợp giải pháp chiếu sáng LED và công nghệ nano	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát triển được buồng nuôi điều khiển IoT để điều khiển cây sâm Ngọc Linh sau nuôi cấy mô thích nghi từng bước với điều kiện môi trường tự nhiên.</li> <li>- Phát triển được hệ thống đèn LED có phổ chiếu sáng linh hoạt và chọn được chế độ chiếu sáng bằng đèn LED kích thích cây sâm Ngọc Linh sau nuôi cấy mô sinh trưởng và thích nghi từng bước với điều kiện môi trường tự nhiên.</li> <li>- Chế tạo và ứng dụng được chế phẩm nano kích thích cây sâm Ngọc Linh sau nuôi cấy mô sinh trưởng khỏe mạnh</li> </ul>	<p><b>1. Kết quả khoa học</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy trình kỹ thuật chăm sóc cây sâm Ngọc Linh sau nuôi cấy mô trong buồng nuôi.</li> <li>- Cây giống sâm Ngọc Linh nuôi cấy mô đã được thích nghi ngoài vườn ươm.</li> <li>- Buồng nuôi điều khiển IoT kết hợp LED và chế phẩm nano điều khiển cây sâm Ngọc Linh sau nuôi cấy mô</li> <li>- 2 loại chế phẩm nano chăm sóc cây sâm Ngọc Linh nuôi cấy mô.</li> </ul> <p><b>2. Sản phẩm công bố</b></p> <p>Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science: 1</p> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo</b></p> <p>Nghiên cứu sinh (hỗ trợ đào tạo): 1</p>
10.	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ chiếu sáng LED kết hợp chế độ phân bón nhằm tăng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát triển được hệ thống chiếu sáng LED đa bước sóng và tối ưu được phân bón trong canh tác Hương nhu trắng và Hương nhu tím nhằm nâng cao từ 20-30% năng suất; 10-</li> </ul>	<p><b>1. Kết quả khoa học</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mô hình canh tác hai loài hương nhu dưới điều kiện bổ sung chiếu sáng LED kết hợp bón phân trên cơ sở đã được tối ưu.</li> <li>- Quy trình trồng hương nhu tím sử dụng công nghệ chiếu sáng LED bổ</li> </ul>

	năng suất và chất lượng tinh dầu cây Hương nhu trắng ( <i>Ocimum gratissimum</i> L.) và Hương nhu tía ( <i>Ocimum tenuiflorum</i> L.)	15% hàm lượng và chất lượng tinh dầu. - Xây dựng được quy trình canh tác tăng năng suất và chất lượng tinh dầu của Hương nhu trắng và Hương nhu tía dưới điều kiện chiếu sáng bổ sung LED kết hợp phân bón tối ưu và áp dụng vào mô hình trồng hai loài cây này ở quy mô pilot.	sung kết hợp phân bón cho năng suất tăng >20% và chất lượng tinh dầu tăng >15% quy mô pilot. - Quy trình trồng hương nhu trắng sử dụng công nghệ chiếu sáng LED bổ sung kết hợp phân bón cho năng suất tăng >20% và chất lượng tinh dầu tăng >15% quy mô pilot. <b>2. Sản phẩm công bố</b> - Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science: 1 - Đăng ký sở hữu trí tuệ: 1 giải pháp hữu ích <b>3. Sản phẩm đào tạo</b> Thạc sỹ (được cấp bằng): 1
11.	Nghiên cứu khả năng khả năng chống ung thư của cao chiết lá chè vàng ( <i>Jasminum subtriplinerve</i> Blume Oleaceae) trên thực nghiệm	- Chiết xuất, phân lập, xác định được cấu trúc của các phân đoạn và các hợp chất từ cao chiết lá chè vàng ( <i>Jasminum subtriplinerve</i> Blume Oleaceae). - Đánh giá được khả năng kháng ung thư trên một số dòng tế bào ung thư in vitro của cao chiết và các hợp chất tự nhiên đã được phân lập từ cao chiết lá chè vàng ( <i>Jasminum subtriplinerve</i> Blume Oleaceae). - Đánh giá được khả năng khả năng kháng ung thư của cao chiết lá chè vàng ( <i>Jasminum subtriplinerve</i> Blume Oleaceae) trên mô hình chuột gây ung thư bằng 7,12 dimethyl benz[a] anthracene (DMBA).	<b>1. Kết quả khoa học</b> - 02 hợp chất được phân lập và xác định được cấu trúc hoá học (10 mg/hợp chất) - Báo cáo tác dụng khả năng kháng ung thư trên mô hình tế bào nuôi cấy in vitro và mô hình chuột nhắt trắng bị ung thư do DMBA in vivo <b>2. Sản phẩm công bố</b> - Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science: 1 - Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Scopus: 1 <b>3. Sản phẩm đào tạo:</b> Nghiên cứu sinh (hỗ trợ đào tạo): 1
<b>2. Hội đồng Khoa học và Công nghệ Thông tin và Tính toán</b>			
12.	Nghiên cứu và phát triển mô hình tóm tắt đa văn bản tiếng Việt dựa trên các mô hình ngôn ngữ tiên tiến	- Phát triển được mô hình tóm tắt đa văn bản tiếng Việt dựa trên các mô hình ngôn ngữ huấn luyện sẵn, có khả năng trích xuất, rút gọn và tổng hợp tóm lược thông tin từ nhiều nguồn văn bản khác nhau để đưa ra thông tin quan trọng nhất cho người dùng trong quá trình khai thác và tìm kiếm thông tin hoặc được tích hợp vào các hệ thống nâng	<b>1. Kết quả khoa học</b> - Mô hình tóm tắt đa văn bản cho tiếng Việt đạt hiệu quả với độ đo đánh giá Rouge-2 vượt 0.3 trên tập dữ liệu tóm tắt đa văn bản tiếng Việt. - Bộ dữ liệu tóm tắt đa văn bản tiếng Việt có quy mô tiêu chuẩn đủ lớn đáp ứng huấn luyện và kiểm thử các mô hình tóm tắt đa văn bản thành công. - Phần mềm tóm tắt đa văn bản cho tiếng Việt có khả năng trích xuất, rút gọn và tổng hợp tóm lược với mức độ nén khác nhau:

		<p>cao khác như hệ thống hỏi đáp tự động, hệ thống máy tìm kiếm, hệ thống chatbot,...</p> <p>- Xây dựng được một bộ dữ liệu tiếng Việt để huấn luyện và kiểm thử các mô hình tóm tắt đa văn bản.</p>	<p>+ Chức năng chính: Tóm tắt đơn văn bản, tóm tắt đa văn bản, đánh giá hiệu quả dựa trên các độ đo.</p> <p>+ Bao gồm: Tài liệu thiết kế, đặc tả phần mềm, Mã nguồn được đóng gói, Hướng dẫn sử dụng.</p> <p><b>2. Sản phẩm công bố</b></p> <p>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science (SCI, SCIE, SSCI và A&amp;HCI): 01</p> <p>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Scopus: 01</p> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo</b></p> <p>Thạc sỹ (được cấp bằng): 01</p>
13.	<p>Nghiên cứu, phát triển hệ thống phát hiện và chú thích tự động đối tượng trong ảnh dựa trên học sâu</p>	<p>Phát triển được hệ thống phần mềm phát hiện và chú thích tự động đối tượng trong ảnh thông qua đề xuất cải tiến kỹ thuật phát hiện, nhận dạng và chú thích.</p>	<p><b>1. Kết quả khoa học</b></p> <p>- Phần mềm phát hiện và chú thích tự động đối tượng trong ảnh và hệ thống thư viện hỗ trợ với khả năng phân tích và cho kết quả thời gian thực (real-time).</p> <p>+ Các đối tượng phát hiện: (i) Nhóm đối tượng tĩnh (công trình xây dựng, các đối tượng nhân tạo không thể dịch chuyển), các đối tượng tự nhiên cố định); (ii) Nhóm đối tượng nhân tạo và tự nhiên có thể bị dịch chuyển; (iii) Nhóm đối tượng nhân tạo và tự nhiên tự di chuyển.</p> <p>+ Các thư viện sản phẩm cho phép hoạt động trên một số môi trường kỹ thuật thông dụng khác nhau;</p> <p>+ Bao gồm: Tài liệu thiết kế, đặc tả phần mềm, Mã nguồn được đóng gói, Hướng dẫn sử dụng.</p> <p><b>2. Sản phẩm công bố</b></p> <p>Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science (SCI, SCIE, SSCI và A&amp;HCI): 02</p> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo</b></p> <p>Thạc sỹ (được cấp bằng): 01</p>
14.	<p>Thuật toán và kiến trúc cho điện toán mô phỏng não bộ với khả năng chống lỗi</p>	<p>- Thiết kế được mô hình điện toán mô phỏng não bộ dựa trên công nghệ 3D-ICs và 3D-NoCs.</p> <p>- Xây dựng được thuật toán sửa lỗi xảy ra trong hệ thống tính toán mô phỏng não bộ.</p> <p>- Thiết kế và ứng dụng thuật toán thành công lên công nghệ CMOS và TSV.</p>	<p><b>1. Kết quả khoa học</b></p> <p>- Mô hình tính toán mô phỏng não bộ lên 3D-ICs và 3D-NoCs được đề xuất và tích hợp.</p> <p>- Thuật toán và mô đun phần mềm sửa lỗi cho tính toán mô phỏng não bộ. (Bao gồm Tài liệu thiết kế, đặc tả mô đun, hướng dẫn sử dụng, mã nguồn được đóng gói).</p>

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến trúc nơ-ron sử dụng mô hình LIF.</li> </ul> <p><b>2. Sản phẩm công bố</b>          Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science (SCI, SCIE, SSCI và A&amp;HCI): 02 (tối thiểu Q2)</p> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo</b>          Nghiên cứu sinh (hỗ trợ đào tạo): 01</p>
15.	Dáng điệu tiệm cận của các mô hình toán học trong sinh thái	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thiết lập được mô hình toán học cho sự lây nhiễm (bệnh dịch Covid-19, thói quen hút thuốc) và mô tả hệ sinh thái nước.</li> <li>- Phân tích được sự biến đổi dáng điệu nghiệm của các mô hình lây nhiễm và mô hình hệ sinh thái nước.</li> <li>- Xây dựng được mô phỏng minh họa cho dáng điệu nghiệm của các mô hình.</li> </ul>	<p><b>1. Kết quả khoa học</b>          - Các mô hình toán học mô tả sự lây nhiễm và mô tả sự biến đổi của hệ sinh thái nước.          - Kết quả khảo sát dáng điệu tiệm cận của nghiệm của các mô hình lây nhiễm, mô hình sinh thái nước.          - Kết quả mô phỏng quỹ đạo của các mô hình sinh thái.</p> <p><b>2. Sản phẩm công bố</b>          Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science (SCI, SCIE, SSCI và A&amp;HCI): 02 (tối thiểu Q2)</p> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo</b>          Thạc sỹ (được cấp bằng): 01</p>
16.	Các thuật toán phân tích dữ liệu nhiều chiều và ứng dụng trong chẩn đoán bệnh Alzheimer	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề xuất được các thuật toán bám không gian con trợ hiệu quả cho luồng dữ liệu hai chiều khi xuất hiện nhiễu đột biến.</li> <li>- Đề xuất được các thuật toán bám ten-xơ trợ cho luồng dữ liệu nhiều chiều không đầy đủ và luồng dữ liệu nhiều chiều có xuất hiện ngoại lai.</li> <li>- Khảo sát được tình hình nghiên cứu về ứng dụng công nghệ ICT và phân tích dữ liệu trong chẩn đoán và điều trị bệnh Alzheimer ở Việt Nam.</li> <li>- Đề xuất được phương pháp phân tích dữ liệu đa chiều bằng phân tích ten-xơ phù hợp cho chẩn đoán bệnh Alzheimer.</li> </ul>	<p><b>1. Kết quả khoa học</b>          - Báo cáo khảo sát về ứng dụng của công nghệ ICT trong chẩn đoán và điều trị bệnh Alzheimer ở Việt Nam.          - Thuật toán chẩn đoán bệnh Alzheimer sử dụng phân tích ten-xơ.          - Thuật toán bám ten-xơ trợ.          - Thuật toán bám không gian con trợ.</p> <p><b>2. Sản phẩm công bố</b>          Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science (SCI, SCIE, SSCI và A&amp;HCI): 02 (ít nhất có 01 bài Q2 trở lên)</p> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo</b>          Nghiên cứu sinh (hỗ trợ đào tạo): 01</p>
17.	Tối ưu thể bảo mật RFID sử dụng thuật toán mã hóa đường	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát triển được thuật toán và kiến trúc phần cứng cho thuật toán mã hóa đường cong ECC, phù hợp với thẻ từ bị động</li> </ul>	<p><b>1. Kết quả khoa học</b>          - Mô hình kiến trúc phần cứng cho thuật toán mã hóa đường cong ECC: 01</p>



	cong Elliptic	RFID. - Phát triển thành công giao thức xác thực trên nền tảng mật mã khóa công khai dùng ECC đề xuất. - Xây dựng được giải pháp công nghệ tối ưu thẻ bảo mật hoàn chỉnh thông qua tích hợp thuật toán và kiến trúc đã đề xuất ở các mục tiêu trên với các kỹ thuật chống tấn công kênh bên và tấn công lỗi.	- Bản thiết kế kiến trúc lõi mã hoá ECC với thuật toán đề xuất trên nền công nghệ CMOS 65nm: 01 <b>2. Sản phẩm công bố</b> - Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science (SCI, SCIE, SSCI và A&HCI): 01 (tối thiểu Q2) - Sản phẩm sở hữu trí tuệ: 01 bằng độc quyền sáng chế <b>3. Sản phẩm đào tạo</b> Nghiên cứu sinh (hỗ trợ đào tạo): 01
18.	Nghiên cứu phát triển thuật toán tìm gai đặc trưng cho xung đột nhận thức trong tín hiệu EEG và ứng dụng trong các hệ thống hỗ trợ giao tiếp	- Phát triển được thuật toán tìm gai PEN (prediction error negativity) trong tín hiệu EEG dựa trên nền tảng thuật toán SN (summit navigation). - Ứng dụng thành công thuật toán tìm gai PEN được đề xuất cho hệ thống hỗ trợ giao tiếp.	<b>1. Kết quả khoa học</b> - Hệ thống phần mềm tương tác người máy thông qua cử chỉ của mắt và/hoặc đầu của người sử dụng đồng bộ với tín hiệu EEG thu qua một thiết bị đo để phát hiện được sự xuất hiện của gai PEN đạt các thông số tiêu chuẩn (Bao gồm Tài liệu thiết kế, đặc tả phần mềm, Mã nguồn được đóng gói, Hướng dẫn sử dụng). - Thuật toán và mô đun phần mềm tìm gai PEN trong tín hiệu EEG: Đảm bảo xác định được chính xác PEN trong tập dữ liệu đã dán nhãn; kết hợp các thuật toán học máy/học sâu nâng cao độ chính xác của thuật toán đề xuất so với các thuật toán hiện có. <b>2. Sản phẩm công bố</b> - Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science (SCI, SCIE, SSCI và A&HCI): 01 (Q1/Q2) - Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Scopus: 1 (tối thiểu Q3) <b>3. Sản phẩm đào tạo</b> Nghiên cứu sinh (hỗ trợ đào tạo): 01
19.	Nghiên cứu xác định các thông số động học trong mô phỏng để thiết kế hệ thống xử lý yếm khí nước thải chăn nuôi lợn	- Xây dựng được mô hình, thuật toán, phần mềm để mô phỏng số quá trình phân hủy yếm khí nước thải chăn nuôi lợn - Xác định được thông số động học phù hợp để thiết kế, vận hành hệ thống xử lý yếm khí nước thải chăn nuôi lợn trên cơ sở kiểm chứng mô hình với các kết quả nghiên cứu thực nghiệm.	<b>1. Kết quả khoa học</b> - Bộ dữ liệu thực nghiệm đánh giá, hiệu chỉnh thông số động học - Thuật toán giải số hệ phương trình mô tả quá trình mô hình. - Thuật toán tìm thông số động học và tối ưu. - Quy trình mô phỏng tính toán, thiết kế, tối ưu hóa quá trình xử lý yếm khí nước thải chăn nuôi lợn giàu hữu cơ - Phần mềm mô phỏng tính toán, thiết kế, tối ưu hóa quá trình xử lý yếm khí nước thải chăn nuôi lợn giàu hữu cơ (bao gồm Tài liệu thiết kế, đặc tả

			<p>phần mềm, Mã nguồn được đóng gói, Hướng dẫn sử dụng).</p> <p><b>2. Sản phẩm công bố</b>          Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science (SCI, SCIE): 02</p> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo</b>          Thạc sỹ (được cấp bằng): 01</p>
20.	Phát triển chức năng IDS/IPS thông minh dựa trên học máy sử dụng tiếp cận mã nguồn mở	<p>- Phát triển hoàn thiện mô hình hệ thống IDS/IPS thông minh, dựa trên học máy sử dụng tiếp cận mã nguồn mở nhằm nâng cao khả năng phát hiện, cảnh báo, ngăn chặn và xử lý các đột nhập trong các hệ thống tường lửa.</p> <p>- Tích hợp thành công vào các hệ thống tường lửa trong thực tế thông dụng ở Việt Nam.</p>	<p><b>1. Kết quả khoa học</b>          - Mô đun chức năng IDS/IPS thông minh dựa trên học máy sử dụng tiếp cận mã nguồn mở.          + Các chức năng: phân tích, phát hiện, cảnh báo, ngăn chặn và xử lý các đột nhập sử dụng tiếp cận mã nguồn mở và chức năng IDS/IPS thông minh dựa trên học máy.          + Được phát triển và cài đặt trên board thử nghiệm hoặc máy tính.          + Các chức năng hệ thống được đóng gói dưới dạng các API sẵn sàng có thể chuyên giao cho các nhà cung cấp sản phẩm firewall như Netcom, BKAV.          + Bao gồm Tài liệu thiết kế, đặc tả mô đun, hướng dẫn sử dụng, mã nguồn được đóng gói.</p> <p><b>2. Sản phẩm công bố</b>          - Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science (SCI, SCIE): 01          - Sản phẩm sở hữu trí tuệ: 01 đăng ký sở hữu trí tuệ (tối thiểu là giải pháp hữu ích)</p> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo</b>          Nghiên cứu sinh (hỗ trợ đào tạo): 01</p>
21.	Nghiên cứu xây dựng các cơ chế cộng tác hiệu quả cho phát hiện thâm nhập phân tán trong các mạng máy tính	<p>- Đề xuất được phương pháp trao đổi và phối hợp phát hiện thâm nhập một cách hiệu quả giữa các thành phần giám sát phân tán khắp nơi trong một hệ thống mạng máy tính, hướng tới chất lượng cao về hàm lượng khoa học công nghệ để có thể công bố quốc tế hoặc đăng ký sáng chế.</p> <p>- Cài đặt thử nghiệm thành công hai phương pháp đề xuất trong điều kiện thực tế hoặc</p>	<p><b>1. Kết quả khoa học</b>          - Bản thiết kế giải pháp phát hiện thâm nhập phân tán mới.          - 02 Báo cáo khảo sát phương pháp và kỹ thuật tiêu biểu đã được đề xuất và phát triển cho phát hiện thâm nhập phân tán.          - Chương trình thử nghiệm đánh giá hiệu năng của giải pháp mới được đề xuất (Bao gồm Tài liệu thiết kế, đặc tả chương trình, hướng dẫn sử dụng, mã nguồn được đóng gói).          - Báo cáo phân tích và đánh giá hiệu năng của giải pháp phát hiện thâm nhập phân tán mới.</p>

		gắn với thực tế hướng tới khả năng ứng dụng chuyên giao cho các doanh nghiệp và đơn vị sự nghiệp.	<p><b>2. Sản phẩm công bố</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science (SCI, SCIE, SSCI và A&amp;HCI): 01 (Tối thiểu Q2)</li> <li>- Sản phẩm sở hữu trí tuệ: 01 đăng ký sở hữu trí tuệ (tối thiểu là giải pháp hữu ích).</li> </ul> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo</b></p> <p>Thạc sỹ (được cấp bằng): 01</p>
22.	Nghiên cứu phương pháp đa thức nhiệt đới cho mạng nơ ron nhân tạo với hàm kích hoạt từng đoạn tuyến tính	Đề xuất được thuật toán lấy mẫu tính các miền tuyến tính và ứng dụng trong xây dựng hàm kích hoạt mạng nơ ron nhân tạo thông qua ứng dụng đại số, hình học nhiệt đới trong việc tính giới hạn trên của các miền tuyến tính.	<p><b>1. Kết quả khoa học</b></p> <p>Thuật toán lấy mẫu tính các miền tuyến tính trên thực tế</p> <p><b>2. Sản phẩm công bố</b></p> <p>Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science (SCI, SCIE, SSCI và A&amp;HCI): 01 (tối thiểu Q2)</p> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo</b></p> <p>Thạc sỹ (được cấp bằng): 01</p>
23.	Biến đổi tích phân dao động Fourier và một số vấn đề liên quan	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định được tính chất của đại số Wiener sinh bởi những chập sẽ đề xuất, liên kết với các phép biến đổi dạng Hartley và Fourier.</li> <li>- Xây dựng được những chập mới liên kết với phép biến đổi chính tắc tuyến tính và áp dụng cho bài toán lọc nhiễu, xử lý tín hiệu số.</li> <li>- Đánh giá được tốc độ suy giảm chuẩn của tích phân dao động Fourier với hàm pha dạng toàn phương và dạng đa thức thuần nhất hai biến bậc k.</li> </ul>	<p><b>1. Kết quả khoa học</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các chập mới liên kết với phép biến đổi chính tắc tuyến tính và áp dụng cho bài toán lọc nhiễu, xử lý tín hiệu số.</li> <li>- Báo cáo đánh giá tốc độ suy giảm chuẩn của tích phân giao động Fourier với hàm pha dạng toàn phương và dạng đa thức thuần nhất hai biến bậc k.</li> </ul> <p><b>2. Sản phẩm công bố</b></p> <p>Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science (SCI, SCIE, SSCI và A&amp;HCI): 2 (tối thiểu Q2).</p> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo</b></p> <p>Nghiên cứu sinh (hỗ trợ đào tạo): 1</p>
24.	Xây dựng Bộ chỉ số đánh giá năng lực chuyển đổi số của các đơn vị trong Đại học quốc gia Hà Nội	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm chủ và khai thác hiệu quả một số bộ chỉ số quốc tế về đánh giá tính sẵn sàng chuyển đổi số đối với các trường đại học.</li> <li>- Hình thành Bộ chỉ số đánh giá năng lực chuyển đổi số dựa trên các kinh nghiệm quốc tế có tính đến đặc thù của ĐHQGHN.</li> <li>- Đánh giá thực tế năng lực chuyển đổi số để các đơn vị của ĐHQGHN xác định hành trình chuyển đổi số phù hợp.</li> </ul>	<p><b>1. Kết quả khoa học</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo đánh giá tổng quan hoạt động chuyển đổi số trong các trường đại học.</li> <li>- Báo cáo phân tích tính khả dụng về các bộ chỉ số quốc tế đánh giá mức độ sẵn sàng về chuyển đổi số cho các trường đại học.</li> <li>- Bộ chỉ số đánh giá năng lực chuyển đổi số cho các đơn vị của ĐHQGHN và tài liệu hướng dẫn sử dụng.</li> <li>- Báo cáo phân tích số liệu thu thập được trong quá trình áp dụng Bộ chỉ số đánh giá năng lực chuyển đổi số tại các đơn vị của ĐHQGHN.</li> </ul>

		- Nâng cao học thuật về lĩnh vực chuyên đổi số phục vụ cho công tác giảng dạy và nghiên cứu.	- Báo cáo khuyến cáo về hoạt động chuẩn bị chuyển đổi số đối với các đơn vị của ĐHQGHN. <b>2. Sản phẩm công bố</b> Bài báo trên tạp chí trong nước (thuộc danh mục tạp chí được Hội đồng chức danh Giáo sư Nhà nước phê duyệt tính điểm công trình khoa học tại năm công bố) : 1
<b>3. Hội đồng Khoa học và Công nghệ Vật liệu và Năng lượng</b>			
25.	Nghiên cứu thiết kế và chế tạo hệ thống theo dõi và giám sát liên tục dấu hiệu sinh tồn thông qua đo nhịp thở dựa trên cảm biến đo từ trường siêu nhạy cấu trúc micro.	- Làm chủ được công nghệ lõi chế tạo cảm biến siêu nhạy từ trường cấu trúc micro với độ chính xác và tin cậy cao. - Thiết kế và chế tạo thành công hệ thống đo và giám sát dấu hiệu sinh tồn liên tục sử dụng cảm biến siêu nhạy từ trường cấu trúc micro thông qua đo nhịp thở liên tục. - Đóng gói hoàn thiện hệ thống theo kiểu dáng mẫu mã công nghiệp hệ thống đo và giám sát nhịp thở và đo thử nghiệm thành công.	<b>1. Kết quả khoa học</b> - Linh kiện cảm biến siêu nhạy từ trường để đo và theo dõi nhịp thở của người, sử dụng vật liệu từ mềm nền Fe, Co, Ni, độ phân giải dưới 0,1 Oe: 5 cảm biến từ. - Hệ thống đo nhịp thở di động hoàn thiện tích hợp với linh kiện cảm biến siêu nhạy từ trường với các thông số kỹ thuật tiêu chuẩn (thành phần bao gồm cảm biến đo được đóng gói hoàn thiện theo kiểu dáng mẫu mã công nghiệp, đai đeo co giãn tích hợp hệ thống nam châm, hệ thống giá đỡ có thể điều chỉnh được 2 chiều, hệ thống dây cáp nối chống nhiễu kết nối với các thiết bị đo): 01 hệ thống. <b>2. Sản phẩm công bố</b> - Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science (SCI, SCIE, SSCI và A&HCI): 01 (Q2 trở lên) - Đăng ký sở hữu trí tuệ: 01 đăng ký độc quyền sáng chế <b>3. Sản phẩm đào tạo:</b> Nghiên cứu sinh (hỗ trợ đào tạo): 01
26.	Lý thuyết lượng tử về một số hiệu ứng quang kích thích trong graphene hai chiều	Xây dựng được lý thuyết lượng tử về hiệu ứng quang kích thích radio-điện và hiệu ứng quang kích thích trong graphene hai chiều bằng phương pháp phương trình động lượng tử.	<b>1. Sản phẩm khoa học</b> - Báo cáo nghiên cứu lý thuyết về hiệu ứng quang kích thích Hall trong graphene hai chiều khi có mặt sóng điện từ mạnh (bức xạ laser), điện trường không đổi và từ trường không đổi. - Báo cáo nghiên cứu lý thuyết về hiệu ứng radio-điện trong graphen hai chiều khi có mặt sóng điện từ mạnh (bức xạ laser), điện trường không đổi và sóng điện từ phân cực phẳng. - Báo cáo nghiên cứu lý thuyết lượng tử về một số hiệu ứng quang kích thích trong graphene hai chiều. <b>2. Sản phẩm công bố</b>

			<p>Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science (SCI, SCIE, SSCI và A&amp;HCI): 02 (Q2 trở lên).</p> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo</b> Thạc sỹ (được cấp bằng): 01</p>
27.	<p>Nghiên cứu tổng hợp vật liệu xúc tác quang pha tạp lai ghép thể hệ mới kiểu Z-scheme trên nền WO<sub>3</sub> nhằm ứng dụng xử lý dư lượng chất kháng sinh trong môi trường nước</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng hợp được vật liệu WO<sub>3</sub>, vật liệu WO<sub>3</sub> pha tạp V, Ni và Cu, là các vật liệu xúc tác quang mới, có năng lượng vùng cấm hẹp, có khả năng hấp thụ ánh sáng khả kiến.</li> <li>- Thiết lập được hệ lai ghép liên hợp dạng Z giữa vật liệu WO<sub>3</sub> pha tạp kim loại với Ag<sub>3</sub>VO<sub>4</sub> (hoặc g-C<sub>3</sub>N<sub>4</sub>), hệ lai ghép dạng Z tạo thành hoạt động hiệu quả khi được kích thích bằng ánh sáng khả kiến.</li> <li>- Các vật liệu tổng hợp thể hiện được hoạt tính quang xúc tác để phân hủy hoàn toàn các chất kháng sinh ô nhiễm, tồn dư trong môi trường.</li> </ul>	<p><b>1. Kết quả khoa học</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các quy trình điều chế vật liệu WO<sub>3</sub>, WO<sub>3</sub> pha tạp V, Ni và Cu, và vật liệu lai ghép dạng Z giữa WO<sub>3</sub> pha tạp kim loại với Ag<sub>3</sub>VO<sub>4</sub> (hoặc g-C<sub>3</sub>N<sub>4</sub>) bằng phương pháp thủy nhiệt.</li> <li>- Mẫu vật liệu xúc tác quang pha tạp lai ghép thể hệ mới: Năng lượng vùng cấm trong khoảng 2,0 đến 2,8 eV, kích thước hạt từ 100 đến 500 nm và diện tích bề mặt trên 10 m<sup>2</sup>/g.</li> <li>- Quy trình tái sinh, hoàn nguyên vật liệu sau quá trình xử lý, trong đó, vật liệu tái sinh thể hiện hoạt tính quang xúc tác cao sau ít nhất 3 chu kỳ hoàn nguyên.</li> </ul> <p><b>2. Sản phẩm công bố</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science (SCI, SCIE, SSCI và A&amp;HCI): 2</li> <li>- Đăng ký sở hữu trí tuệ: 01</li> </ul> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo</b> Nghiên cứu sinh (hỗ trợ đào tạo): 1</p>
28.	<p>Nghiên cứu xử lý tồn dư trong nước của chất kháng sinh họ β-Lactam Ampicillin bằng vật liệu biến tính silica (Fe<sub>2</sub>O<sub>3</sub>/NH<sub>2</sub>/SiO<sub>2</sub>)</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chế tạo được vật liệu nano Fe<sub>2</sub>O<sub>3</sub>/NH<sub>2</sub>/SiO<sub>2</sub> (FNS) có khả năng loại bỏ ampicillin (AMP) với quy trình tổng hợp, chế tạo đơn giản, tiết kiệm và dễ thu hồi từ kết hợp các ưu điểm nổi bật của oxit sắt từ Fe<sub>2</sub>O<sub>3</sub>, APTMS và SiO<sub>2</sub>.</li> <li>- Xây dựng được quy trình chế tạo nano oxit sắt từ Fe<sub>2</sub>O<sub>3</sub>.</li> <li>- Xây dựng được các tham số tối ưu trong xử lý AMP trong điều kiện phòng thí nghiệm và trong nước thải thực tế của vật liệu nano FNS.</li> <li>- Đề xuất được cơ chế hấp phụ kháng sinh bằng FNS.</li> </ul>	<p><b>1. Kết quả khoa học</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy trình chế tạo vật liệu nanocompozit Fe<sub>2</sub>O<sub>3</sub>/NH<sub>2</sub>/SiO<sub>2</sub> (FNS) có độ từ tính 20 emu.g<sup>-1</sup>, điện thế zeta pH<sub>pzc</sub> = 3,4 và kích thước nano mét (~70nm) để xử lý tồn dư kháng sinh trong nước: Dung lượng hấp phụ cực đại (Q<sub>max</sub>) đạt 182 mg/g; Khối lượng vật liệu: 02 gram.</li> <li>- Cơ chế hóa học mới (đề xuất) loại bỏ kháng sinh họ β-Lactam Ampicillin là cơ sở tham khảo cho các nghiên cứu sau này: với sự có mặt của các nhóm chức bề mặt có lợi cho quá trình loại bỏ kháng sinh như: silanol (SiOH), amine (NH<sub>2</sub>), hydroxyl (OH<sup>-</sup>).</li> <li>- Quy trình tối ưu tỷ lệ các tiền chất để điều chế hợp chất nano Fe<sub>2</sub>O<sub>3</sub>/NH<sub>2</sub>/SiO<sub>2</sub> (FNS) có khả năng loại bỏ kháng sinh trong môi trường là 1 Fe<sub>2</sub>O<sub>3</sub> : 6 NH<sub>2</sub>-SiO<sub>2</sub> (theo khối lượng).</li> <li>- Quy trình khảo sát các điều kiện tối ưu để loại bỏ kháng sinh họ β-Lactam Ampicillin như: pH = 4, nhiệt độ = 30 °C, nồng độ ban đầu = 50</li> </ul>

			<p>mg/L.</p> <p><b>2. Sản phẩm công bố</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science (SCI, SCIE, SSCI và A&amp;HCI): 1 (Q1/Q2)</li> <li>- Bài báo quốc tế không thuộc hệ thống Web of Science, Scopus: 01</li> </ul> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo</b></p> <p>Thạc sỹ (được cấp bằng): 01</p>
29.	Nghiên cứu tổng hợp và một số ứng dụng các dẫn xuất thioazacrownophane	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng được phương pháp tổng hợp nhóm chất thioazacrownophane mới.</li> <li>- Tổng hợp được ít nhất 10 hợp chất thioazacrownophane mới (khối lượng trong khoảng 20 – 50mg với độ tinh khiết 95 – 98%).</li> <li>- Xác định được cấu trúc của các hợp chất thioazacrownophane mới bằng phương pháp phổ HRMS hoặc NMR.</li> <li>- Khảo sát được khả năng tạo phức với các ion kim loại của 05 hợp chất thioazacrownophane mới đại diện.</li> <li>- Đánh giá được khả năng chống oxy hóa của tối thiểu 10 hợp chất thioazacrownophane mới tổng hợp được.</li> <li>- Xác định được khả năng gây độc tế bào của 10 hợp chất thioazacrownophane mới trên một số dòng tế bào ung thư Hep-G2 hoặc Lu-1 hoặc RD.</li> <li>- Xây dựng được bộ dữ liệu về khả năng ứng dụng các hợp chất thioazacrownophane, qua đó, đề xuất phát triển được các hợp chất thioazacrownophane tiềm năng ứng dụng thực tiễn cao.</li> </ul>	<p><b>1. Kết quả khoa học</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phương pháp tổng hợp one-pot (một giai đoạn) để tổng hợp các hợp chất thioazacrownophane mới (ưu điểm hơn phương pháp tổng hợp nhiều giai đoạn truyền thống).</li> <li>- Bộ dữ liệu phổ IR, HRMS, <sup>1</sup>HNMR chứng minh cấu trúc của 10 hợp chất thioazacrownophane mới tổng hợp được.</li> <li>- Bộ dữ liệu đánh giá khả năng ứng dụng của các thioazacrownophane mới qua kết quả khảo sát khả năng tạo phức của 5 thioazacrownophane đại diện, kết quả chống oxi và kết quả thử hoạt tính gây độc tế bào của 10 thioazacrownophane.</li> </ul> <p><b>2. Sản phẩm công bố</b></p> <p>Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science (SCI, SCIE, SSCI và A&amp;HCI): 2 (Tối thiểu Q2)</p> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo</b></p> <p>Thạc sỹ (được cấp bằng): 1</p>
30.	Nghiên cứu thực nghiệm về trạng thái động của các pha vi	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng được phương trình cấu thành của vật liệu thép kết cấu thông qua khảo sát trạng thái động của hai vùng vi cấu trúc là</li> </ul>	<p><b>1. Kết quả khoa học</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo về sự hình thành và phát triển kết cấu vi mô trong liên kết hàn dưới tác động của tải trọng môi (xác định được mối mối quan hệ giữa</li> </ul>

	<p>cấu trúc trong liên kết mối hàn dưới tác động của tải trọng mỗi sử dụng công nghệ thử nghiệm nanoindentation</p>	<p>vùng bị ảnh hưởng nhiệt (Heat-affected zone) và vùng hàn (Weld metal).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định được mối quan hệ giữa tính chất cơ học và tốc độ biến dạng, biên độ biến dạng của hai vùng vi kết cấu thông qua khảo sát trạng thái phụ thuộc vào tốc độ biến dạng của các tính chất cơ học của hai thành phần vi cấu trúc là vật liệu hàn và vùng bị ảnh hưởng bởi nhiệt.</li> <li>- Đề xuất được các mô hình mới mô tả những trạng thái phụ thuộc vào tốc độ biến dạng này và dự đoán những tính chất của vật liệu ở các tốc độ biến dạng hay là các tốc độ gia tải khác nhau.</li> <li>- Đưa ra được các cơ chế vi mô giải thích sự phụ thuộc vào tốc độ biến dạng của các tính chất cơ học của vật liệu trong vùng hàn dựa trên các lý thuyết gradient biến dạng (strain gradient plasticity theory), lý thuyết tăng cường ranh giới hạt (Grain boundary strengthening), mối quan hệ giữa độ cứng và cường độ Tabor (Tabor's relation).</li> </ul>	<p>đường kính hạt và tải trọng môi).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phương trình thể hiện mối quan hệ giữa tính chất cơ học và tốc độ biến dạng, biên độ biến dạng của vật liệu thép kết cấu (độ chính xác 95%) thể hiện kết quả phân tích trạng thái phụ thuộc vào tốc độ biến dạng của các pha vi kết cấu trong liên kết hàn dưới tác dụng của tải trọng môi.</li> <li>- Phương pháp lý thuyết về cơ chế vi mô giải thích trạng thái phụ thuộc vào tốc độ biến dạng của các pha vi kết cấu trong liên kết hàn dưới tác động của tải trọng môi (sai số không quá 5%).</li> </ul> <p><b>2. Sản phẩm công bố</b>          Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science (SCI, SCIE) : 1 bài (Q1)</p> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo</b>          Thạc sỹ (được cấp bằng): 01</p>
31.	<p>Nghiên cứu tổng hợp vật liệu mới dựa trên khung thiophene làm pin quang điện.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng hợp được tối thiểu 10 hợp chất benzo[4,5]thieno[2,3-b]quinoxaline (khối lượng trong khoảng 100 – 150mg với độ tinh khiết 95 – 98% được xác định bằng NMR), trong số đó khảo sát khả năng chế tạo pin quang điện của 05 hợp chất đại diện nhóm chất này.</li> <li>- Xác định được cấu trúc lập thể và các đặc trưng hóa lý của nhóm chất tổng hợp được.</li> </ul>	<p><b>1. Kết quả khoa học</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ dữ liệu tính chất hóa lý (độ bền nhiệt, giãn nở thể dồng) của 05 hợp chất tổng hợp được.</li> <li>- Bộ dữ liệu phổ IR, 1H-NMR, 13C-NMR chứng minh công thức của 10 hợp chất mới được tổng hợp.</li> <li>- 10 hợp chất benzo[4,5]thieno [2,3-b] quinoxaline, khối lượng khoảng 100 – 150mg với độ tinh khiết 95 – 98%.</li> </ul> <p><b>2. Sản phẩm công bố</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science (SCI, SCIE, SSCI và A&amp;HCI): 01</li> <li>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Scopus: 01</li> </ul> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo</b></p>

			Nghiên cứu sinh (hỗ trợ đào tạo): 1
32.	Chế tạo vật liệu nanocomposite nền Ag/SiO <sub>2</sub> , nghiên cứu tính chất quang và định hướng ứng dụng trong quang xúc tác, phát hiện dư lượng kháng sinh.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chế tạo thành công hệ vật liệu nanocomposite nền Ag/SiO<sub>2</sub> với mục tiêu ứng dụng cụ thể.</li> <li>- Xác định được ảnh hưởng của công nghệ chế tạo lên tính chất quang của hệ vật liệu nanocomposite nền Ag/SiO<sub>2</sub>.</li> <li>- Xác định được khả năng quang xúc tác của vật liệu nanocomposite Ag/SiO<sub>2</sub> và khả năng phát hiện dư lượng kháng sinh trong sữa bằng vật liệu nanocomposite nền Ag/SiO<sub>2</sub></li> </ul>	<p><b>1. Sản phẩm khoa học</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ vật liệu nanocomposite nền Ag/SiO<sub>2</sub> ứng dụng trong phát hiện dư lượng kháng sinh trong sữa.</li> <li>- Quy trình chế tạo vật liệu nanocomposite nền Ag/SiO<sub>2</sub> có khả năng tăng cường phát quang, tăng cường tín hiệu Raman bề mặt.</li> <li>- Báo cáo về ảnh hưởng của công nghệ chế tạo (dung môi, tiền chất ...) lên cấu trúc (tỉ lệ lõi vỏ...) và tính chất quang (phổ hấp thụ, phát quang, khả năng tăng cường phát quang, tăng cường Raman bề mặt ...) của các cấu trúc nanocomposite nền Ag/SiO<sub>2</sub>.</li> <li>- Báo cáo về khả năng của vật liệu nanocomposite nền Ag/SiO<sub>2</sub> trong quang xúc tác methylene blue, methylene orange.</li> <li>- Báo cáo áp dụng phương pháp tán xạ Raman tăng cường bề mặt phát hiện dư lượng kháng sinh trong sữa bằng vật liệu nanocomposite nền Ag/SiO<sub>2</sub> được chức năng hóa bề mặt.</li> </ul> <p><b>2. Sản phẩm công bố</b></p> <p>Bài báo trên tạp chí thuộc hệ thống Web of Science (SCI, SCIE, SSCI, và A&amp;HCI): 01 (Q2 trở lên).</p> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo</b></p> <p>Nghiên cứu sinh (hỗ trợ đào tạo): 01</p>
33.	Phân tích ổn định và thiết kế tối ưu kết cấu sandwich nano composite thông minh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng được các phương trình chủ đạo và phương pháp giải bằng tiếp cận giải tích bài toán ổn định tĩnh phi tuyến và đáp ứng động lực học phi tuyến các kết cấu sandwich tấm và vỏ làm bằng vật liệu nano-composite dưới tác động của tải trọng cơ học và tải trọng vật lý khác nhau.</li> <li>- Xác định được biểu thức mô tả mối liên hệ tải trọng – độ võng của các kết cấu sandwich trong bài toán ổn định tĩnh; hoặc biểu thức xác định tần số dao động và các đáp ứng động lực học phi tuyến của các kết cấu sandwich trong bài toán động lực học phi tuyến.</li> </ul>	<p><b>1. Kết quả khoa học</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các phương trình cơ bản xác định đường cong độ võng – tải trọng trong bài toán ổn định tĩnh kết cấu sandwich nano composite thông minh và hàm mục tiêu để thiết kế tối ưu kết cấu sandwich tương ứng.</li> <li>- Các phương trình cơ bản xác định tần số dao động, các đáp ứng động lực học phi tuyến trong bài toán động lực học phi tuyến kết cấu sandwich nano composite thông minh và hàm mục tiêu để thiết kế tối ưu kết cấu sandwich tương ứng.</li> <li>- Các kết quả số khảo sát ảnh hưởng của các tham số vật liệu, tham số hình học, tham số tải trọng lên ổn định tĩnh và đáp ứng động lực học phi tuyến của kết cấu sandwich.</li> </ul> <p><b>2. Sản phẩm công bố</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science (SCI, SCIE): 2 bài ISI, trong đó 1 bài Q1, 1 bài Q2;</li> </ul>



		- Xác định được hàm mục tiêu, lựa chọn thuật toán tối ưu thích hợp để thiết kế tối ưu kết cấu sandwich.	<b>3. Sản phẩm đào tạo</b> Nghiên cứu sinh (hỗ trợ đào tạo): 01
34.	Nghiên cứu tổng hợp vật liệu nano graphen oxit nhằm chế tạo sensor điện hóa để phân tích Amaranth và Ponceau 4R trong mẫu nước giải khát	- Tổng hợp được sensor điện hóa theo nguyên lý trên nhằm phân tích một số chất màu thực phẩm như Amaranth và Ponceau 4R rất phổ biến hiện nay trong các mẫu thực phẩm, đặc biệt là nước giải khát.	<p>1. Sản phẩm khoa học</p> <p>a) Quy trình tổng hợp vật liệu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy trình tổng hợp nano graphene oxide và graphene oxide dạng khử kích thước nano mét (<math>\leq 100</math> nm).</li> <li>- Quy trình chế tạo sensor điện hóa trên cơ sở biến tính glassy cacbon bằng graphene oxide dạng khử với điều kiện đo điện hóa: khoảng quét thế 0 V đến -1,5 V, số vòng quét 5 đến 15 vòng, thời gian 5 phút.</li> </ul> <p>b) Sản phẩm vật liệu mẫu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 01 sản phẩm mẫu cho sensor điện hóa đo chọn lọc cho phẩm màu thực phẩm Amaranth. Sensor có độ lặp lại cao với RSD &lt;3 % (n= 15), tái sử dụng, thời gian đáp ứng 60 s. Các giá trị LOD = 6,04 <math>\mu\text{g/L}</math>, và LOQ = 20,13 <math>\mu\text{g/L}</math>.</li> <li>- 01 sản phẩm mẫu cho sensor điện hóa đo chọn lọc cho phẩm màu thực phẩm Ponceau 4R. Sensor có độ lặp lại cao với RSD &lt;3 % (n= 15), tái sử dụng, thời gian đáp ứng 60 s. Các giá trị LOD = 12,08 <math>\mu\text{g/L}</math>, và LOQ = 40,26 <math>\mu\text{g/L}</math>.</li> </ul> <p>c) Khả năng ứng dụng:</p> <p>Sensor điện hóa chế tạo được có thể ứng dụng để phân tích hàm lượng của các chất màu thực phẩm Amaranth và Ponceau 4R trong các mẫu nước giải khát.</p> <p><b>2. Sản phẩm công bố</b></p> <p>Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science (SCI, SCIE, SSCI và A&amp;HCI): 02 (tối thiểu Q2).</p> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu sinh (hỗ trợ đào tạo): 01</li> <li>- Thạc sỹ (được cấp bằng): 01</li> </ul>
35.	Thiết kế chế tạo một cấu trúc chuyển đổi năng lượng ứng dụng cho hệ thống nguồn tái tạo siêu nhỏ nổi	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nâng cao hiệu quả chuyển đổi năng lượng linh hoạt cho hệ thống nguồn điện NLTT phân tán nổi lưới quy mô nhỏ (microgrid).</li> <li>- Thiết kế và chế tạo được bộ chuyển đổi năng lượng hai chiều nhiều công từ các</li> </ul>	<p><b>1. Sản phẩm khoa học</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ thiết kế hệ thống chuyển đổi linh hoạt nhiều công vào và ra năng lượng công suất nhỏ với công suất 2-5kW, điện áp tiêu chuẩn đầu ra 400VDC; Điện áp tiêu chuẩn đầu vào 75-180VDC; hiệu suất 93-95%.</li> </ul>

	lưới thông minh	nguồn điện tái tạo phân tán nối lưới có tích hợp thành phần lưu trữ thích hợp nối lưới.	<p>- Tài liệu hướng dẫn về thiết kế và lắp đặt bộ chuyển đổi trong hệ thống chuyển đổi.</p> <p>- Các giải pháp nâng cao hiệu quả, thích nghi với hai dạng hoạt động hệ thống độc lập và tích hợp nối lưới điện thông minh ở Việt Nam.</p> <p><b>2. Sản phẩm công bố</b></p> <p>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science (SCI, SCIE): 01 (tối thiểu Q2).</p> <p>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Scopus: 01.</p> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo</b></p> <p>Thạc sỹ (được cấp bằng): 01.</p>
36.	Nghiên cứu chế tạo, biến tính vật liệu hấp phụ hiệu năng cao zeolite sinh học phủ nano oxit kim loại và ứng dụng để xử lý các chất hữu cơ gây ô nhiễm môi trường nước	<p>- Chế tạo được vật liệu Zeolite sinh học từ các phụ phẩm nông nghiệp như bã mía, lõi ngô..., phủ oxit kim loại như CeO<sub>2</sub> để tăng cường diện tích bề mặt.</p> <p>- Biến tính được bề mặt Zeolite sinh học bằng phương pháp phủ chất hoạt động bề mặt (CHĐBM) và các polyme mang điện tích nhằm tăng diện tích và điện tích bề mặt của Zeolite sinh học nói trên phục vụ cho mục tiêu hấp phụ xử lý thuốc nhuộm và thuốc trừ cỏ trong môi trường nước.</p>	<p><b>1. Sản phẩm khoa học</b></p> <p>a) Quy trình chế tạo vật liệu</p> <p>- Quy trình chế tạo vật liệu Zeolite sinh học từ các phụ phế phẩm nông nghiệp (bã mía, lõi ngô,...) được phủ CeO<sub>2</sub> với diện tích bề mặt riêng tối thiểu 50 m<sup>2</sup>/g.</p> <p>- Vật liệu Zeolite sinh học và Zeolite phủ CeO<sub>2</sub> có diện tích bề mặt riêng tối thiểu 50 m<sup>2</sup>/g phù hợp với mục đích xử lý các chất hữu cơ.</p> <p>- Vật liệu Zeolite sinh học biến tính với polymer mang điện tích dương có thế Zeta tối thiểu 30 mV và đánh giá khả năng hấp phụ của vật liệu này với các thuốc nhuộm Newcoccine (acid red 18), acid Orange 7 (AO7) và Direct blue 6.</p> <p>- Vật liệu Zeolite sinh học biến tính với CHĐBM mang điện tích dương có thế zeta tối thiểu 30 mV và đánh giá khả năng hấp phụ của vật liệu này với chất diệt cỏ Glyphosat.</p> <p>b) Sản phẩm vật liệu mẫu</p> <p>- 500 gam vật liệu mẫu loại Zeolite sinh học, phủ CeO<sub>2</sub> kèm theo các thông số xác định các đặc tính hóa lý và hóa học được xác định bằng các phương pháp hiện đại: BET, XRD, XRF, SEM, TEM và FT-IR.</p> <p>- 500 gam vật liệu mẫu loại Zeolite sinh học biến tính với polymer mang điện tích dương có thế Zeta tối thiểu 30 mV, kèm theo các thông số xác định các đặc tính hóa lý và hóa học được xác định bằng các phương pháp hiện đại: BET, XRD, XRF, SEM, TEM và FT-IR .</p> <p>- 500 gam vật liệu mẫu loại Zeolite sinh học biến tính với CHĐBM (chất hoạt động bề mặt) mang điện tích dương có thế Zeta tối thiểu 30 mV và</p>

			<p>kèm theo các thông số xác định các đặc tính hóa lý và hóa học được xác định bằng các phương pháp hiện đại: BET, XRD, XRF, SEM, TEM và FT-IR.</p> <p><b>2. Sản phẩm công bố</b></p> <p>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science (SCI, SCIE, SSCI và A&amp;HCI): 01 (Q1) và 1 (Q2).</p> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo</b></p> <p>Thạc sỹ (được cấp bằng): 01.</p>
<b>4. Hội đồng Khoa học và Công nghệ Trái đất và Môi trường</b>			
37.	<p>Nghiên cứu xác định mô hình giá đất và giải pháp phân phối giá trị tăng thêm từ đất khi chuyển đổi đất đai phục vụ phát triển đô thị (nghiên cứu điểm tại khu vực ven đô thành phố Hà Nội)</p>	<p>- Xác lập được cơ sở khoa học của việc xác định giá đất và cơ chế tạo ra sự thay đổi giá đất khi chuyển đổi đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp trong quá trình phát triển đô thị.</p> <p>- Xác định được các yếu tố ảnh hưởng đến giá các loại đất khi chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp khu vực ven đô thành phố Hà Nội.</p> <p>- Xây dựng được mô hình giá đất sử dụng kỹ thuật học máy cho các loại đất đối với một số địa bàn nghiên cứu điểm.</p> <p>- Đưa ra được các giải pháp phân phối lợi ích từ giá trị tăng thêm của đất, nâng cao hiệu quả sử dụng đất phục vụ công tác quản lý phát triển đô thị và bình ổn thị trường bất động sản.</p>	<p><b>1. Kết quả khoa học</b></p> <p>- Cơ sở dữ liệu địa chính về mạng lưới các thửa đất chuẩn và thông tin về giá trị các thuộc tính thửa đất tại một số địa bàn nghiên cứu điểm.</p> <p>- Cơ sở khoa học của việc xác định giá đất theo tiếp cận lý thuyết giá trị và các mô hình thay đổi giá trị trong quá trình phát triển đô thị, chuyển đổi mục đích sử dụng đất.</p> <p>- Mô hình giá đất đối với các loại đất khu vực đô thị và nông thôn, báo cáo dự báo biến động giá đất, bản đồ phân bố giá đất cho một số địa bàn nghiên cứu điểm.</p> <p>- Giải pháp phân phối lợi ích từ gia tăng giá trị tài nguyên đất, nâng cao hiệu quả sử dụng đất khi chuyển đổi mục đích sử dụng đất, quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu về giá đất chuẩn và thông tin giá trị các thuộc tính thửa đất nhằm phục vụ công tác quản lý giá đất, quản lý phát triển đô thị và bình ổn thị trường bất động sản.</p> <p>- Bộ tiêu chí các yếu tố ảnh hưởng đến giá đất khi chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp khu vực ven đô thành phố Hà Nội theo hướng dữ liệu.</p> <p><b>2. Sản phẩm công bố</b></p> <p>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Scopus: 1</p> <p>- Sách chuyên khảo: 1</p> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo</b></p> <p>Thạc sỹ (được cấp bằng): 1</p>
38.	<p>Nghiên cứu phát triển lớp phủ ăn được chứa</p>	<p>- Tuyển chọn được các chủng vi khuẩn lactic có kháng năng kháng nấm mốc gây</p>	<p><b>1. Kết quả khoa học</b></p> <p>- Chủng giống vi khuẩn lactic kháng nấm mốc gây thối hỏng quả nho</p>

	<p>lợi khuẩn lactic nhằm kiểm soát sự phát triển của nấm mốc và duy trì chất lượng quả sau thu hoạch</p>	<p>thối hỏng quả nho và dâu tây.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát triển được lớp phủ ăn được chứa lợi khuẩn lactic có khả năng kiểm soát sự phát triển của nấm mốc và duy trì chất lượng quả (nho và dâu tây) sau thu hoạch.</li> <li>- Góp phần giảm tổn thất và tạo ra giá trị gia tăng cho sản phẩm quả sau thu hoạch, đồng thời đáp ứng nhu cầu về vấn đề sức khỏe, dinh dưỡng, an toàn thực phẩm và môi trường cho người tiêu dùng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chủng giống vi khuẩn lactic kháng nấm gây thối hỏng quả dâu tây</li> </ul> <p><b>2. Sản phẩm công bố</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science (SCI, SCIE, SSCI và A&amp;HCI): 1 (Q2 trở lên)</li> <li>- Đăng ký sở hữu trí tuệ: 1 giải pháp hữu ích</li> </ul> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo</b></p> <p>Nghiên cứu sinh (hỗ trợ đào tạo): 1</p>
39.	<p>Tích hợp mô hình biến đổi sử dụng đất và học sâu trong dự báo rủi ro lũ: Áp dụng cho lưu vực sông Nhật Lệ-Kiến Giang</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng được mô hình tích hợp biến đổi sử dụng đất và học sâu trong đánh giá và dự báo rủi ro lũ.</li> <li>- Đánh giá được diễn biến và hiện trạng rủi ro lũ cho khu vực nghiên cứu năm 2005, 2020.</li> <li>- Dự báo được xu thế biến đổi của rủi ro lũ cho khu vực nghiên cứu năm 2030.</li> <li>- Đề xuất được các giải pháp thích ứng và giảm thiểu rủi ro lũ cho khu vực nghiên cứu.</li> </ul>	<p><b>1. Kết quả khoa học</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo hiện trạng và xu thế biến đổi của rủi ro lũ cho lưu vực sông Nhật Lệ - Kiến Giang năm 2005, 2020 và 2030.</li> <li>- Mô hình tích hợp biến đổi sử dụng đất và học sâu trong đánh giá và dự báo rủi ro lũ.</li> <li>- Báo cáo đề xuất các giải pháp phòng tránh và giảm thiểu rủi ro lũ tại lưu vực sông Nhật Lệ - Kiến Giang.</li> </ul> <p><b>2. Sản phẩm công bố</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science (SCI, SCIE, SSCI và A&amp;HCI): 1</li> <li>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Scopus: 1</li> </ul> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo</b></p> <p>Nghiên cứu sinh (hỗ trợ đào tạo): 1</p>
40.	<p>Nghiên cứu xây dựng bộ tiêu chí và mô hình hệ thống quản lý bất động sản thông minh phục vụ phát triển chính phủ điện tử: thử nghiệm tại quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng bộ tiêu chí cho hệ thống quản lý bất động sản thông minh phù hợp với kiến trúc hệ thống thông tin đất đai quốc gia và khung kiến trúc CPĐT 2.0.</li> <li>- Xây dựng được mô hình hệ thống quản lý bất động sản thông minh trong điều kiện thực tế của Việt Nam, tích hợp cơ sở dữ liệu về đất đai và bất động sản.</li> <li>- Xây dựng được phần mềm quản lý bất động sản thông minh phát triển trên nền tảng Web-based, thử nghiệm trên địa bàn quận</li> </ul>	<p><b>1. Kết quả khoa học</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ tiêu chí cho hệ thống quản lý bất động sản thông minh phù hợp với kiến trúc hệ thống thông tin đất đai và kiến trúc CPĐT 2.0</li> <li>- Phần mềm quản lý bất động sản thông minh phát triển trên nền tảng Web-based, thử nghiệm trên địa bàn quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.</li> <li>- Cơ sở lý luận và thực tiễn cho xây dựng hệ thống quản lý bất động sản thông minh.</li> <li>- Đề xuất các giải pháp ứng dụng hiệu quả hệ thống quản lý bất động sản thông minh trong điều kiện thực tế của Việt Nam</li> <li>- Mô hình hệ thống quản lý bất động sản thông minh trong điều kiện thực</li> </ul>

		<p>Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.</p> <p>- Đề xuất được các giải pháp ứng dụng hiệu quả hệ thống quản lý bất động sản thông minh trong điều kiện thực tế của Việt Nam.</p>	<p>tế của Việt Nam, tích hợp cơ sở dữ liệu về đất đai và bất động sản.</p> <p><b>2. Sản phẩm công bố</b></p> <p>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science (SCI, SCIE, SSCI và A&amp;HCI): 1</p> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo</b></p> <p>Thạc sỹ (được cấp bằng): 1</p>
41.	<p>Nghiên cứu cơ môi trường dựa trên phương pháp đồng vị bền delta13C trong vòng sinh trưởng của cây thông tại tỉnh Quảng Bình</p>	<p>- Định được tuổi của quần thể Thông dựa trên kỹ thuật đo chiều thời gian trên các mẫu khoan tầng trưởng.</p> <p>- Phân tích tiềm năng khôi phục số liệu đồng vị bền delta13C của cây Thông; Khi đạt được các mục tiêu trên, sẽ tiếp tục phát triển để hoàn thiện phương pháp và kỹ thuật định tuổi cũng như xem xét phản ứng đối với khí hậu của các loài cây lớn trong sách đỏ ở Việt Nam. Từ đó đóng góp vào công tác bảo tồn, khôi phục các loài cây bị đe dọa cũng như cung cấp thông tin quan trọng về đồng vị bền quy mô trăm đến nghìn năm cho các nghiên cứu dao động và biến đổi khí hậu Việt Nam và khu vực.</p>	<p><b>1. Kết quả khoa học</b></p> <p>- Bộ số liệu về phản ứng của cây Thông với các yếu tố khí hậu trong quá khứ như nhiệt độ, lượng mưa, độ ẩm, số giờ nắng (Có xét đến các dấu tích dị thường trên thân cây do cháy rừng, lũ lụt, hạn hán ...).</p> <p>- Bộ số liệu và kết quả định tuổi vòng năm cây Thông (Phần mềm Cdendro).</p> <p>- Đánh giá tiềm năng khôi phục thông tin đồng vị bền delta13C dựa trên phân tích các yếu tố đồng vị bền delta13C và các tương quan trước đó (Coi các giá trị âm (&lt;0) của khí hậu như mưa, nhiệt độ, độ ẩm ... là =0).</p> <p><b>2. Sản phẩm công bố</b></p> <p>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science (SCI, SCIE, SSCI và A&amp;HCI): 1</p> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo</b></p> <p>- Nghiên cứu sinh (hỗ trợ đào tạo): 1</p> <p>- Thạc sỹ (được cấp bằng): 1</p>
42.	<p>Nghiên cứu và chế tạo vật liệu từ bùn thải mạ kẽm theo công nghệ hóa học xanh ứng dụng xử lý ô nhiễm kháng sinh trong môi trường nước</p>	<p>- Làm rõ thêm vai trò tài nguyên từ chất thải có khả năng được tận thu thành vật liệu có ích, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế tuần hoàn.</p> <p>- Có được quy trình chế tạo vật liệu quang xúc tác hấp phụ từ bùn thải xi mạ kẽm bằng phương pháp hóa học xanh.</p> <p>- Ứng dụng vật liệu quang xúc tác hấp phụ để xử lý được kháng sinh Ciprofloxacin và Sulfamethoxazole trong môi trường nước và nước thải thực với hiệu quả cao.</p>	<p><b>1. Kết quả khoa học</b></p> <p>- Vật liệu quang xúc tác hấp phụ từ bùn thải xi mạ kẽm bằng phương pháp hóa học xanh.</p> <p>- Quy trình công nghệ xử lý kháng sinh trong nước thải (nuôi trồng thủy sản/bệnh viện) bằng vật liệu nano chế tạo từ bùn thải xi mạ kẽm đạt hiệu quả xử lý kháng sinh cao.</p> <p>- Quy trình chế tạo vật liệu quang xúc tác hấp phụ từ bùn thải xi mạ kẽm bằng phương pháp hóa học xanh.</p> <p>- Mô hình thí nghiệm theo công nghệ đã được xác lập để xử lý được kháng sinh trong nước thải (nuôi trồng thủy sản/bệnh viện) đạt hiệu quả cao công suất 10L/h.</p> <p><b>2. Sản phẩm công bố</b></p>

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science (SCI, SCIE, SSCI và A&amp;HCI): 1 (Q2 trở lên).</li> <li>- Đăng ký sở hữu trí tuệ: 1 giải pháp hữu ích.</li> </ul> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo</b> Nghiên cứu sinh (hỗ trợ đào tạo): 1</p>
43.	Nghiên cứu ứng dụng mô hình thủy văn đô thị mô phỏng ngập lụt và thiết kế phát triển tác động thấp (LID) cho thành phố đồng hới, tỉnh quảng bình	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thiết lập cơ sở dữ liệu về hệ thống thoát nước đô thị thành phố Đồng Hới gồm cơ sở hạ tầng thoát nước, các công trình đơn vị trên hệ thống (van, cửa xả, bơm thoát nước, hồ ga, hồ điều hòa...) cùng với nguyên tắc vận hành hoạt động.</li> <li>- Xây dựng và triển khai mô hình ngập lụt đô thị khu vực thành phố Đồng Hới, thiết lập các bản đồ ngập lụt ứng với các kịch bản.</li> <li>- Mô phỏng tính toán thiết kế xanh hệ thống thoát nước theo cách tiếp cận Phát triển tác động thấp (LID) cho thành phố Đồng Hới.</li> </ul>	<p><b>1. Kết quả khoa học</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ cơ sở dữ liệu Khí tượng Thủy văn: Biên tập, định dạng các số liệu thu thập được trên lưu vực bao gồm số liệu khí tượng, thủy văn, sông ngòi, hệ thống thoát nước, thảm phủ vào cơ sở dữ liệu không gian (GIS).</li> <li>- Bộ mô hình Thủy văn đô thị.</li> <li>- Bộ bản đồ rủi ro ngập lụt: Kịch bản mưa với chu kỳ lặp lại 100 năm, 50 năm, 20 năm.</li> </ul> <p><b>2. Sản phẩm công bố</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science (SCI, SCIE, SSCI và A&amp;HCI): 1</li> <li>- Đăng ký sở hữu trí tuệ: 1 giải pháp hữu ích</li> </ul> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo</b> Thạc sỹ (được cấp bằng): 1</p>
44.	Nghiên cứu biến động mực nước biển khu vực biển đông từ số liệu vệ tinh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có được bộ số liệu mực nước biển từ vệ tinh đầy đủ và đảm bảo chất lượng cho toàn bộ khu vực biển Đông.</li> <li>- Có được kết quả đầy đủ và chi tiết về biến động theo không gian của mực nước biển khu vực biển Đông và những yếu tố ảnh hưởng.</li> <li>- Có được kết quả đầy đủ và chi tiết về biến động theo thời gian của mực nước biển khu vực biển Đông và những yếu tố ảnh hưởng.</li> </ul>	<p><b>1. Kết quả khoa học</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo đánh giá chất lượng bộ số liệu mực nước biển vệ tinh khu vực biển Đông</li> <li>- Bộ số liệu mực nước biển vệ tinh khu vực biển Đông</li> <li>- Kết quả phân tích biến động theo không gian và thời gian của mực nước biển (từ vệ tinh) khu vực biển Đông từ 1993-2020</li> </ul> <p><b>2. Sản phẩm công bố</b> Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science (SCI, SCIE, SSCI và A&amp;HCI): 1</p> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo:</b> Nghiên cứu sinh (hỗ trợ đào tạo): 1</p>
45.	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới cacbon hóa thủy nhiệt (HTC) trong xử lý và tái chế	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định được các nguyên liệu tiềm năng cho quá trình HTC.</li> <li>- Xác định được các điều kiện hoạt động tối ưu cho quá trình HTC.</li> </ul>	<p><b>1. Kết quả khoa học</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân bón sinh học (dạng lỏng, dạng rắn)</li> <li>- Các loại vật liệu xử lý ô nhiễm môi trường (kim loại nặng, thuốc nhuộm, chất dinh dưỡng ...)</li> </ul>

	<p>phụ phẩm nông nghiệp và bùn thải ở Việt Nam để sản xuất nhiên liệu sinh học, phân bón sinh học hiệu năng cao và vật liệu môi trường tiên tiến.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá tính khả thi của các giải pháp cải thiện quá trình HTC.</li> <li>- Chế tạo và đánh giá khả năng ứng dụng sản phẩm pha rắn của quá trình HTC làm than sinh học.</li> <li>- Chế tạo và đánh giá khả năng ứng dụng sản phẩm pha rắn của quá trình HTC làm vật liệu xử lý ô nhiễm môi trường.</li> <li>- Chế tạo và đánh giá khả năng ứng dụng sản phẩm pha rắn và pha lỏng của quá trình HTC làm phân bón dùng trong nông nghiệp.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Than sinh học (hydrochar)</li> <li><b>2. Sản phẩm công bố</b>            Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science (SCI, SCIE, SSCI và A&amp;HCI): 1</li> <li><b>3. Sản phẩm đào tạo</b>            Thạc sỹ (được cấp bằng): 1</li> </ul>
46.	<p>Đánh giá hiện trạng bảo tồn, phân bố của các loài thú mặt đất và xác định khu vực ưu tiên bảo vệ cho loài Mang roosevelt tại khu Bảo tồn Thiên nhiên Xuân Liên</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá được hiện trạng bảo tồn đa dạng sinh học và mối đe dọa đối với các loài thú mặt đất ở Khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên.</li> <li>- Xác định được các đặc điểm sinh thái, tình trạng bảo tồn và vùng ưu tiên bảo tồn loài Mang roosevelt ở Khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên.</li> <li>- Đề xuất được giải pháp bảo tồn hiệu quả đối với các loài thú nguy cấp, quý hiếm, đặc hữu tại Khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li><b>1. Kết quả khoa học</b>            - Báo cáo đánh giá đa dạng sinh học, đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả bảo tồn và chống lại tình hình săn bắt trái phép cho nhóm thú mặt đất tại KBTTN Xuân Liên.            - Báo cáo về danh sách loài, tần suất xuất hiện, bản đồ phân bố của thú mặt đất vừa và lớn có phân bố ở trên địa bàn KBTTN Xuân Liên.            - Báo cáo về sinh thái, tình trạng bảo tồn và phân bố của Mang roosevelt (<i>Muntiacus rooseveltorum</i>) trên địa bàn KBTTN Xuân Liên.</li> <li><b>2. Sản phẩm công bố</b>            Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Scopus: 1</li> <li><b>3. Sản phẩm đào tạo</b>            Nghiên cứu sinh (hỗ trợ đào tạo): 1</li> </ul>
47.	<p>Điều chế vật liệu nanocompozit để loại bỏ tồn dư kháng sinh trong môi trường nước</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chế tạo được vật liệu tổ hợp nanocompozit Polyamide/GO/APTES (PGA) có khả năng hấp phụ kháng sinh Streptomycin (STM) bằng phương pháp biến tính bề mặt nano oxit graphen (GO) và Polyamide (PA) sử dụng chất hoạt động bề mặt (3-Aminopropyl)triethoxysilane (APTES).</li> <li>- Xác định được các điều kiện tối ưu (thời gian hấp phụ, giá trị pH, khối lượng vật liệu PGA đã sử dụng, nhiệt độ,...) để hấp phụ kháng sinh STM bằng vật liệu PGA.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. Kết quả khoa học:            - Báo cáo chuyên đề về khảo sát các điều kiện tối ưu để loại bỏ kháng sinh STM bằng PGA            - Quy trình điều chế vật liệu và tối ưu tỷ lệ các tiền chất để điều chế vật liệu tổ hợp nanocompozit PGA            - Báo cáo đánh giá hiệu suất hấp phụ kháng sinh STM của PGA.            - Báo cáo chuyên đề về cơ chế loại bỏ kháng sinh STM khỏi môi trường nước của vật liệu PGA.            - 03 g vật liệu nanocompozit PGA.</li> <li><b>2. Sản phẩm công bố</b></li> </ul>

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề xuất được cơ chế hấp phụ STM của PGA.</li> <li>- So sánh được hiệu suất hấp phụ STM của PGA với các tiền chất như GO và PA/GO trong cùng một điều kiện.</li> </ul>	<p>Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science (SCI, SCIE, SSCI và A&amp;HCI): 1</p> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo</b></p> <p>Nghiên cứu sinh (hỗ trợ đào tạo): 1</p>
<b>5. Hội đồng Khoa học Quản trị và Kinh tế</b>			
48.	Xây dựng bộ tiêu chí và mô hình đánh giá mức độ thực hiện kinh tế tuần hoàn trong sản xuất nông nghiệp: áp dụng thử nghiệm với một số mô hình sản xuất nông nghiệp ở đồng bằng sông Hồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng được cơ sở lý thuyết; điều tra, đánh giá được thực trạng mức độ tuần hoàn và các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ tuần hoàn trong nông nghiệp ở Việt Nam hiện nay.</li> <li>- Xây dựng được bộ tiêu chí phục vụ đánh giá mức độ thực hiện kinh tế tuần hoàn trong sản xuất nông nghiệp.</li> <li>- Xây dựng được mô hình đánh giá mức độ thực hiện kinh tế tuần hoàn trong sản xuất nông nghiệp ở Việt Nam.</li> <li>- Thử nghiệm, phân tích được kết quả áp dụng bộ tiêu chí và mô hình đánh giá mức độ thực hiện kinh tế tuần hoàn cho một số mô hình sản xuất nông nghiệp ở đồng bằng sông Hồng.</li> <li>- Đề xuất được các giải pháp, khuyến nghị phát triển mô hình kinh tế tuần hoàn trong sản xuất nông nghiệp ở Việt Nam.</li> </ul>	<p><b>1. Kết quả khoa học</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ sở lý thuyết và kết quả điều tra, đánh giá thực trạng mức độ tuần hoàn và các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ tuần hoàn trong nông nghiệp ở Việt Nam hiện nay.</li> <li>- Bộ tiêu chí và mô hình đánh giá mức độ thực hiện kinh tế tuần hoàn trong sản xuất nông nghiệp.</li> <li>- Kết quả phân tích việc áp dụng thử nghiệm bộ tiêu chí và mô hình đánh giá mức độ thực hiện kinh tế tuần hoàn cho một số mô hình sản xuất nông nghiệp ở đồng bằng sông Hồng.</li> <li>- Các giải pháp, khuyến nghị phát triển mô hình kinh tế tuần hoàn trong sản xuất nông nghiệp ở Việt Nam.</li> </ul> <p><b>2. Sản phẩm công bố</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science, Scopus: 02</li> <li>- Kết quả dự kiến được ứng dụng tại các cơ quan hoạch định chính sách hoặc cơ sở ứng dụng KH&amp;CN: 01</li> </ul> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu sinh (hỗ trợ đào tạo): 01</li> <li>- Thạc sỹ (được cấp bằng): 01</li> </ul>
49.	Ứng dụng mô hình mạng Bayesian Belief Network (BBN) trong việc xác định các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả của chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích, làm rõ được cơ sở lý luận về phát triển nông thôn, xây dựng nông thôn mới và các yếu tố tiềm năng ảnh hưởng đến kết quả chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới.</li> <li>- Phân tích và đánh giá được thực trạng về kết quả xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011 – 2020 tại tỉnh Hòa Bình.</li> </ul>	<p><b>1. Kết quả khoa học</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ sở lý luận về phát triển nông thôn, xây dựng nông thôn mới và các yếu tố tiềm năng ảnh hưởng đến kết quả chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới;</li> <li>- Thực trạng về kết quả xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam và tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2011 – 2020 tại tỉnh Hòa Bình, những bài học kinh nghiệm cho giai đoạn 2021-2025;</li> <li>- Mô hình mạng BBN trong việc xác định các yếu tố ảnh hưởng đến kết</li> </ul>



	mới tại tỉnh Hòa Bình	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Áp dụng mô hình mạng BBN trong việc xác định các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011 – 2020 tại tỉnh Hòa Bình.</li> <li>- Xây dựng được mô hình dự báo kết quả xây dựng nông thôn mới cho tỉnh Hòa Bình giai đoạn sắp tới.</li> <li>- Đề xuất được các giải pháp thúc đẩy quá trình thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới tại tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn đến năm 2030.</li> </ul>	<p>quả xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011 – 2020 tại tỉnh Hòa Bình;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải pháp thúc đẩy quá trình thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới tại tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn đến năm 2030.</li> </ul> <p><b>2. Sản phẩm công bố</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science (SCI, SCIE, SSCI và A&amp;HCI): 01</li> <li>- Sản phẩm chuyển giao (báo cáo tư vấn chính sách, hợp đồng chuyển giao công nghệ, hợp đồng dịch vụ công nghệ,...): 01</li> </ul> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu sinh (hỗ trợ đào tạo): 01</li> <li>- Thạc sỹ (được cấp bằng): 01</li> </ul>
50.	Chính sách tài khóa phản chu kỳ ở các nước đang phát triển và hàm ý cho Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng được cơ sở lý thuyết và thực tiễn về chính sách tài khóa phản chu kỳ và những tác động đến các nền kinh tế đang phát triển; kinh nghiệm và bài học cho Việt Nam.</li> <li>- Thiết lập được khung lý thuyết hình thành một cách tiếp cận khác về chính sách tài khóa phản chu kỳ trên cơ sở phân tích quan hệ giữa khu vực công và khu vực tư nhân trong mô hình đường khả năng sản xuất để thấy được ý nghĩa và vai trò của vay nợ/trả nợ nước ngoài của chính phủ trong điều hành chính sách tài khóa.</li> <li>- Phân tích, đánh giá được những bằng chứng ban đầu về chính sách tài khóa phản chu kỳ được áp dụng ở các nước đang phát triển qua các giai đoạn phát triển kinh tế từ năm 2000 đến 2019 theo cách tiếp cận đề xuất của đề tài.</li> <li>- Đề xuất được giải pháp phục vụ điều hành chính sách tài khóa của Việt Nam, đặc biệt trong bối cảnh suy thoái kinh tế do đại dịch</li> </ul>	<p><b>1. Kết quả khoa học</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ sở lý thuyết và thực tiễn về chính sách tài khóa phản chu kỳ và những tác động đến các nền kinh tế đang phát triển; kinh nghiệm và bài học cho Việt Nam;</li> <li>- Khung lý thuyết hình thành cách tiếp cận khác về chính sách tài khóa phản chu kỳ; những đánh giá ban đầu về chính sách tài khóa phản chu kỳ được áp dụng theo cách tiếp cận đề xuất của đề tài;</li> <li>- Giải pháp chính sách về áp dụng chính sách tài khóa phản chu kỳ cho Việt Nam.</li> </ul> <p><b>2. Sản phẩm công bố</b></p> <p>Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science, Scopus: 01</p> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo</b></p> <p>Thạc sỹ (được cấp bằng): 01</p>

51.	<p>Đánh giá tác động tiềm năng của UKVFTA tới xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Vương quốc Anh</p>	<p>Covid-19.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống hóa được cơ sở lý luận về tác động của hiệp định thương mại tự do đến thương mại nội khối giữa các nước thành viên.</li> <li>- Phân tích và đánh giá được thực trạng xuất khẩu của Việt Nam sang Vương quốc Anh.</li> <li>- Đánh giá được tác động của các cam kết cắt giảm thuế quan và các cam kết khác trong UKVFTA đến xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Vương quốc Anh.</li> <li>- Chỉ rõ được những cơ hội và thách thức mà UKVFTA mang lại đối với xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Vương quốc Anh.</li> <li>- Đề xuất được các giải pháp chính sách cho Chính phủ và doanh nghiệp Việt Nam nhằm đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu của Việt Nam sang Vương quốc Anh trong bối cảnh thực thi Hiệp định UKVFTA.</li> </ul>	<p><b>1. Kết quả khoa học</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ sở lý luận về tác động của hiệp định thương mại tự do đến thương mại nội khối giữa các nước thành viên.</li> <li>- Thực trạng xuất khẩu của Việt Nam sang Vương quốc Anh.</li> <li>- Tác động của các cam kết cắt giảm thuế quan và các cam kết khác trong UKVFTA; những cơ hội và thách thức mà UKVFTA mang lại đối với xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Vương quốc Anh.</li> <li>- Giải pháp chính sách nhằm đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu của Việt Nam sang Vương quốc Anh.</li> </ul> <p><b>2. Sản phẩm công bố</b>          Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science, Scopus: 01</p> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo</b>  <b>Hỗ trợ đào tạo NCS: 01</b></p>
52.	<p>Đánh giá tác động của các biện pháp thuế quan và phi thuế quan đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp tại Việt Nam</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chỉ rõ được cơ sở lý luận về các biện pháp thuế quan, phi thuế quan, hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, từ đó có căn cứ lựa chọn các chỉ tiêu phân tích và xây dựng mô hình đánh giá tác động của các biện pháp này tới hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.</li> <li>- Xây dựng được khung lý thuyết về mô hình đánh giá tác động của các biện pháp thuế quan, phi thuế quan đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.</li> <li>- Phân tích và đánh giá được thực trạng tác động của các biện pháp thuế quan và phi thuế quan đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp tại Việt Nam.</li> </ul>	<p><b>1. Kết quả khoa học</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ sở lý luận về các biện pháp thuế quan, phi thuế quan, hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.</li> <li>- Khung lý thuyết về mô hình đánh giá tác động của các biện pháp thuế quan, phi thuế quan đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp;</li> <li>- Thực trạng tác động của các biện pháp thuế quan và phi thuế quan đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp tại Việt Nam.</li> <li>- Giải pháp, khuyến nghị về tối ưu hóa các cơ hội từ hội nhập, nhằm thúc đẩy hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp trong nước.</li> </ul> <p><b>2. Sản phẩm công bố</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science (SCI, SCIE, SSCI và A&amp;HCI): 01</li> <li>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Scopus: 01</li> </ul> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo</b></p>

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề xuất được giải pháp, các khuyến nghị về tối ưu hóa các cơ hội từ hội nhập, nhằm thúc đẩy hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp trong nước trước bối cảnh hội nhập thương mại quốc tế hiện nay.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu sinh (hỗ trợ đào tạo): 01</li> <li>- Thạc sỹ (được cấp bằng): 01</li> </ul>
53.	Kế toán bền vững và công bố thông tin bền vững trong các doanh nghiệp: Nghiên cứu thực nghiệm đối với các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá được kết quả thực hiện kế toán bền vững và các nhân tố tác động đến mức độ thực hiện, áp dụng kế toán bền vững trong các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam.</li> <li>- Đánh giá được mức độ công bố thông tin, tác động của công bố thông tin từ kế toán bền vững đến kết quả hoạt động của các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam.</li> <li>- Đề xuất được giải pháp nhằm thúc đẩy kế toán bền vững trong các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam.</li> </ul>	<p><b>1. Kết quả khoa học</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả thực hiện kế toán bền vững và các nhân tố tác động đến mức độ thực hiện, áp dụng kế toán bền vững trong các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam.</li> <li>- Mức độ công bố thông tin, tác động của công bố thông tin từ kế toán bền vững đến kết quả hoạt động của các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam.</li> <li>- Giải pháp thúc đẩy kế toán bền vững trong các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam.</li> </ul> <p><b>2. Sản phẩm công bố</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science, Scopus: 01</li> </ul> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Thạc sỹ (được cấp bằng): 01</li> </ul>
54.	Phân tích xu hướng và động lực thực hiện trách nhiệm xã hội của các doanh nghiệp Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích, đánh giá được bối cảnh thực hiện CSR và báo cáo bền vững của doanh nghiệp tại Việt Nam.</li> <li>- Chỉ rõ được xu hướng và động lực thực hiện CSR của doanh nghiệp Việt Nam trong một số ngành công nghiệp cụ thể bằng kỹ thuật xử lý ngôn ngữ tự nhiên (NLP) và phỏng vấn sâu.</li> <li>- Làm rõ được sự khác biệt và/hoặc giống nhau trong việc thực hiện CSR của doanh nghiệp Việt Nam trong một số ngành công nghiệp cụ thể.</li> <li>- Đề xuất được giải pháp chính sách cho các cơ quan quản lý nhà nước nhằm thúc đẩy thực hiện CSR; các doanh nghiệp điều chỉnh</li> </ul>	<p><b>1. Kết quả khoa học</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả phân tích về bối cảnh thực hiện CSR và báo cáo bền vững của doanh nghiệp tại Việt Nam; xu hướng và động lực thực hiện CSR của doanh nghiệp Việt Nam trong một số ngành công nghiệp cụ thể.</li> <li>- Kết quả phân tích về sự khác biệt và/hoặc giống nhau trong việc thực hiện CSR của doanh nghiệp Việt Nam trong một số ngành công nghiệp cụ thể.</li> <li>- Giải pháp chính sách cho các cơ quan quản lý nhà nước và doanh nghiệp Việt Nam nhằm thúc đẩy thực hiện CSR.</li> </ul> <p><b>2. Sản phẩm công bố</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science, Scopus: 01</li> <li>- Kết quả dự kiến được ứng dụng tại các cơ quan hoạch định chính sách hoặc cơ sở ứng dụng KH&amp;CN: 01</li> </ul> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo</b></p>

		chiến lược CSR nhằm đáp ứng sự thay đổi trong bối cảnh quốc gia và ngành.	Thạc sỹ (được cấp bằng): 01
55.	Cây ghép và chuyển hoá pháp luật tại Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng được hệ thống cơ sở lý luận và thực tiễn về du nhập, cây ghép và chuyển hoá pháp luật trên thế giới; những kinh nghiệm và bài học cho Việt Nam.</li> <li>- Phân tích, chỉ rõ được thực tiễn pháp luật ở Việt Nam, những thành công và hạn chế trong việc du nhập và cây ghép pháp luật quốc tế.</li> <li>- Đề xuất được các giải pháp, kiến nghị về việc sử dụng pháp luật quốc tế trong quá trình đổi mới và hoàn thiện pháp luật Việt Nam đáp ứng các yêu cầu của quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền, toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế.</li> </ul>	<p><b>1. Kết quả khoa học</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ sở lý luận và thực tiễn, những kinh nghiệm và bài học cho Việt Nam về du nhập, cây ghép và chuyển hoá pháp luật trên thế giới;</li> <li>- Thực tiễn pháp luật ở Việt Nam, những thành công và hạn chế trong việc du nhập và cây ghép pháp luật quốc tế;</li> <li>- Giải pháp, kiến nghị về việc sử dụng pháp luật quốc tế trong quá trình đổi mới và hoàn thiện pháp luật Việt Nam</li> </ul> <p><b>2. Sản phẩm công bố</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science, Scopus: 01</li> <li>- Kết quả dự kiến được ứng dụng tại các cơ quan hoạch định chính sách hoặc cơ sở ứng dụng KH&amp;CN: 01</li> </ul> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo</b></p> <p>Thạc sỹ (được cấp bằng): 01</p>
56.	Chuyển đổi số trong giáo dục đại học: Kinh nghiệm quốc tế và cơ hội cho Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng được cơ sở lý luận về chuyển đổi số trong giáo dục đại học, kinh nghiệm quốc tế và bài học Việt Nam.</li> <li>- Thiết kế được khung phân tích về chuyển đổi số trong giáo dục đại học, chỉ rõ những nhân tố tác động tới quá trình chuyển đổi số trong giáo dục đại học ở Việt Nam.</li> <li>- Phân tích, chỉ rõ được thực trạng, những vấn đề đặt ra đối với các trường đại học Việt Nam khi tham gia vào quá trình chuyển đổi số.</li> <li>- Đề xuất được bộ tiêu chí đánh giá mức độ sẵn sàng tham gia và giải pháp thúc đẩy chuyển đổi số trong các trường đại học tại Việt Nam.</li> </ul>	<p><b>1. Kết quả khoa học</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ sở lý luận về chuyển đổi số trong giáo dục đại học, kinh nghiệm quốc tế và bài học Việt Nam.</li> <li>- Khung phân tích về chuyển đổi số trong giáo dục đại học, những nhân tố tác động tới quá trình chuyển đổi số trong giáo dục đại học ở Việt Nam.</li> <li>- Thực trạng, những vấn đề đặt ra đối với các trường đại học Việt Nam khi tham gia vào quá trình chuyển đổi số.</li> <li>- Bộ tiêu chí đánh giá mức độ sẵn sàng tham gia và giải pháp thúc đẩy chuyển đổi số trong các trường đại học tại Việt Nam.</li> </ul> <p><b>2. Sản phẩm công bố</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science (SCI, SCIE, SSCI và A&amp;HCI): 01</li> <li>- Kết quả dự kiến được ứng dụng tại các cơ quan hoạch định chính sách hoặc cơ sở ứng dụng KH&amp;CN: 01</li> </ul> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu sinh (hỗ trợ đào tạo): 01</li> <li>- Thạc sỹ (được cấp bằng): 01</li> </ul>

57.	Đánh giá tác động của tự động hoá tới dịch chuyển lao động tại Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng được cơ sở lý luận và thực tiễn về tác động của tự động hóa tới dịch chuyển lao động.</li> <li>- Phân tích, đánh giá được thực trạng tác động của tự động hoá tới sự chuyển dịch giữa các ngành nghề lao động tại Việt Nam hiện nay; dự báo xu hướng phát triển trong thời gian tới.</li> <li>- Đề xuất được các giải pháp, kiến nghị giải quyết vấn đề dịch chuyển lao động tại Việt Nam dưới tác động của tự động hóa.</li> </ul>	<p><b>1. Kết quả khoa học</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ sở lý luận và thực tiễn về tác động của tự động hóa tới dịch chuyển lao động.</li> <li>- Thực trạng tác động của tự động hoá tới sự chuyển dịch giữa các ngành nghề lao động tại Việt Nam hiện nay.</li> <li>- Mô hình dự báo về biến động số lượng việc làm tại Việt Nam tới năm 2025 dưới tác động của tự động hoá.</li> <li>- Giải pháp, kiến nghị giải quyết vấn đề dịch chuyển lao động tại Việt Nam dưới tác động của tự động hóa.</li> </ul> <p><b>2. Sản phẩm công bố</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science, Scopus: 01</li> <li>- Kết quả dự kiến được ứng dụng tại các cơ quan hoạch định chính sách hoặc cơ sở ứng dụng KH&amp;CN: 01</li> </ul> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Nghiên cứu sinh (hỗ trợ đào tạo): 01</li> </ul>
58.	Đánh giá mức độ ảnh hưởng của hoạt động giáo dục, đào tạo tới năng suất lao động tại Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng được cơ sở lý luận và thực tiễn về mức độ ảnh hưởng của hoạt động giáo dục, đào tạo tới năng suất lao động tại Việt Nam.</li> <li>- Phân tích, đánh giá được thực trạng mức độ ảnh hưởng của chương trình, hoạt động và đóng góp của giáo dục, đào tạo tới năng suất lao động Việt Nam.</li> <li>- Đề xuất được các giải pháp nâng cao năng xuất lao động từ hoạt động giáo dục, đào tạo tại Việt Nam.</li> </ul>	<p><b>1. Kết quả khoa học</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ sở lý luận và thực tiễn về mức độ ảnh hưởng của hoạt động giáo dục, đào tạo tới năng suất lao động tại Việt Nam;</li> <li>- Thực trạng mức độ ảnh hưởng của chương trình, hoạt động và đóng góp của giáo dục, đào tạo tới năng suất lao động Việt Nam;</li> <li>- Giải pháp nâng cao năng xuất lao động từ hoạt động giáo dục, đào tạo tại Việt Nam.</li> </ul> <p><b>2. Sản phẩm công bố</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science (SCI, SCIE, SSCI và A&amp;HCI): 01</li> </ul> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Thạc sỹ (được cấp bằng): 01</li> </ul>
59.	Báo cáo thường niên kinh tế Việt Nam 2022: Chuyển đổi số trong ngành dịch vụ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng quan được tình hình kinh tế thế giới và của Việt nam trong năm 2021, từ đó chỉ ra những cơ hội, thách thức và triển vọng đối với kinh tế Việt Nam trong năm 2022.</li> <li>- Đánh giá được thực trạng, những vấn đề</li> </ul>	<p><b>1. Kết quả khoa học</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng quan tình hình kinh tế thế giới và của Việt nam trong năm 2021; những cơ hội, thách thức và triển vọng đối với kinh tế Việt Nam trong năm 2022.</li> <li>- Thực trạng, những vấn đề đang đặt ra trong quá trình chuyển đổi số</li> </ul>

		<p>đang đặt ra trong quá trình chuyển đổi số ngành dịch vụ, tập trung vào hai ngành huyết mạch của nền kinh tế là tài chính (fintech) và logistics.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề xuất được những giải pháp chính sách nhằm phát triển ngành dịch vụ trong bối cảnh chuyển đổi số ở Việt Nam.</li> </ul>	<p>ngành dịch vụ ở Việt Nam.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mô hình, lộ trình và tiêu chí đánh giá chuyển đổi số trong ngành dịch vụ, tập trung vào tài chính và logistics.</li> <li>- Giải pháp chính sách nhằm phát triển ngành dịch vụ trong bối cảnh chuyển đổi số ở Việt Nam.</li> </ul> <p><b>2. Sản phẩm công bố</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science, Scopus: 01</li> <li>- Bài báo trên các tạp chí khoa học của ĐHQGHN, tạp chí khoa học chuyên ngành quốc gia hoặc báo cáo khoa học đăng trong kỷ yếu hội nghị quốc tế: 02</li> <li>- Sách chuyên khảo: 02 (tiếng Việt và tiếng Anh)</li> <li>- Sản phẩm chuyển giao (báo cáo tư vấn chính sách, hợp đồng chuyển giao công nghệ, hợp đồng dịch vụ công nghệ,...): 02</li> </ul> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo</b></p> <p>Thạc sỹ (được cấp bằng): 01</p>
60.	<p>Hoàn thiện pháp luật về khai thác thương mại sáng chế phục vụ hoạt động đổi mới sáng tạo tại Việt Nam</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng được hệ thống cơ sở lý luận và thực tiễn về khai thác thương mại sáng chế phục vụ hoạt động đổi mới sáng tạo; kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới (Hoa Kỳ, Phần Lan, Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore...) và bài học cho Việt Nam.</li> <li>- Khảo sát, đánh giá được thực trạng khai thác thương mại sáng chế phục vụ hoạt động đổi mới sáng tạo tại Việt Nam; chỉ rõ những thuận lợi, khó khăn, tồn tại và nguyên nhân.</li> <li>- Phân tích, chỉ rõ được tính khả thi của hệ thống pháp luật về khai thác thương mại sáng chế hỗ trợ hoạt động đổi mới sáng tạo tại Việt Nam.</li> <li>- Đề xuất được các giải pháp, kiến nghị hoàn thiện pháp luật về khai thác thương mại sáng chế phục vụ hoạt động đổi mới sáng tạo tại Việt Nam trong bối cảnh hiện nay.</li> </ul>	<p><b>1. Kết quả khoa học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ sở lý luận và thực tiễn về khai thác thương mại sáng chế phục vụ hoạt động đổi mới sáng tạo; kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới và bài học cho Việt Nam.</li> <li>- Thực trạng khai thác thương mại sáng chế phục vụ hoạt động đổi mới sáng tạo tại Việt Nam; những thuận lợi, khó khăn, tồn tại và nguyên nhân.</li> <li>- Kết quả phân tích về tính khả thi của hệ thống pháp luật khai thác thương mại sáng chế hỗ trợ hoạt động đổi mới sáng tạo tại Việt Nam;</li> <li>- Giải pháp, kiến nghị hoàn thiện pháp luật về khai thác thương mại sáng chế phục vụ hoạt động đổi mới sáng tạo tại Việt Nam.</li> </ul> <p><b>2. Sản phẩm công bố</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science (SCI, SCIE, SSCI và A&amp;HCI): 01</li> <li>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Scopus: 01</li> </ul> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo</b></p> <p>Thạc sỹ (được cấp bằng): 01</p>

<b>6. Hội đồng Khoa học Xã hội và Hành vi</b>			
61.	Bảo tồn, phát huy giá trị các di sản văn hóa vật thể ở Hà Nội trong bối cảnh phát triển đô thị hiện nay	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng được hệ thống cơ sở lý luận và thực tiễn về bảo tồn, phát huy giá trị các di sản văn hóa vật thể ở Hà Nội trong bối cảnh phát triển đô thị hiện nay.</li> <li>- Đánh giá được thực trạng, những vấn đề đặt ra đối với hệ thống di sản văn hóa vật thể đã được xếp hạng trên địa bàn Thủ đô.</li> <li>- Đề xuất được giải pháp bảo tồn, phát huy giá trị của các di sản văn hóa vật thể ở Hà Nội trong bối cảnh phát triển đô thị và Thủ đô hiện nay.</li> </ul>	<p><b>1. Kết quả khoa học</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống cơ sở lý luận và thực tiễn về bảo tồn, phát huy giá trị các di sản văn hóa vật thể ở Hà Nội trong bối cảnh phát triển đô thị hiện nay;</li> <li>- Thực trạng, những vấn đề đặt ra đối với hệ thống di sản văn hóa vật thể đã được xếp hạng trên địa bàn Thủ đô.</li> <li>- Hệ thống bản đồ GIS về di sản văn hóa vật thể trên địa bàn thành phố Hà Nội.</li> <li>- Giải pháp bảo tồn, phát huy giá trị của các di sản văn hóa vật thể ở Hà Nội trong bối cảnh</li> </ul> <p><b>2. Sản phẩm công bố</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science, Scopus: 01</li> <li>- Kết quả dự kiến được ứng dụng tại các cơ quan hoạch định chính sách hoặc cơ sở ứng dụng KH&amp;CN: 01</li> </ul> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thạc sỹ (được cấp bằng): 1</li> </ul>
62.	Nghiên cứu đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của các bên liên quan trong tổ chức sự kiện văn hóa phục vụ phát triển du lịch ở Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chỉ rõ được mô hình tham gia của các bên liên quan trong tổ chức sự kiện văn hóa phục vụ phát triển du lịch ở Việt Nam.</li> <li>- Làm rõ được vai trò, cơ chế hợp tác, chiều hướng vận động của các bên liên quan trong tổ chức sự kiện văn hóa phục vụ phát triển du lịch ở Việt Nam.</li> <li>- Đánh giá được hiện trạng hoạt động của các bên liên quan trong tổ chức sự kiện văn hóa phục vụ phát triển du lịch ở Việt Nam.</li> <li>- Đề xuất được giải pháp tăng cường vai trò của chủ thể tham gia sự kiện văn hóa trong phát triển du lịch ở Việt Nam hiện nay.</li> </ul>	<p><b>1. Kết quả khoa học</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mô hình tham gia của các bên liên quan trong tổ chức sự kiện văn hóa phục vụ phát triển du lịch ở Việt Nam.</li> <li>- Báo cáo tổng hợp về vai trò, cơ chế hợp tác, chiều hướng vận động của các bên liên quan trong tổ chức sự kiện văn hóa phục vụ phát triển du lịch ở Việt Nam.</li> <li>- Hiện trạng hoạt động của các bên liên quan trong tổ chức sự kiện văn hóa phục vụ phát triển du lịch ở Việt Nam.</li> <li>- Giải pháp tăng cường vai trò của chủ thể tham gia sự kiện văn hóa trong phát triển du lịch ở Việt Nam hiện nay.</li> </ul> <p><b>2. Sản phẩm công bố</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Scopus: 01</li> </ul> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Thạc sỹ (được cấp bằng): 01</li> </ul>
63.	Ảnh hưởng của ô	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá được thực trạng ảnh hưởng của ô</li> </ul>	<p><b>1. Kết quả khoa học</b></p>

	<p>nhiễm tiếng ồn và không khí đến sức khỏe tâm thần của người dân Hà Nội (trường hợp các quận Ba Đình, Thanh Xuân, Hà Đông)</p>	<p>nhiễm môi trường (ô nhiễm tiếng ồn, ô nhiễm không khí) đối với sức khỏe tâm thần của người dân ở các quận Ba Đình, Thanh Xuân, Hà Đông (Hà Nội).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chỉ ra được các yếu tố làm tăng hoặc giảm những ảnh hưởng của ô nhiễm môi trường (tiếng ồn và không khí) đối với sức khỏe tâm thần của người dân tại địa bàn nghiên cứu.</li> <li>- Thử nghiệm và đánh giá được một số phương pháp tham vấn tâm lý cho người dân ở khu vực bị ô nhiễm.</li> <li>- Đề xuất được giải pháp nhằm tăng cường sức khỏe tâm thần và cảm nhận hạnh phúc của người dân Hà Nội.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực trạng ảnh hưởng của ô nhiễm tiếng ồn không khí đối với sức khỏe tâm thần của người dân ở các quận Ba Đình, Thanh Xuân, Hà Đông.</li> <li>- Các yếu tố làm tăng hoặc giảm những ảnh hưởng của ô nhiễm môi trường (tiếng ồn và không khí) đối với sức khỏe tâm thần của người dân tại địa bàn nghiên cứu.</li> <li>- Phương pháp tham vấn tâm lý và giải pháp cải thiện sức khỏe tâm thần cho người dân do ô nhiễm tiếng ồn và không khí.</li> </ul> <p><b>2. Sản phẩm công bố</b>          Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Scopus: 01</p> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo</b>          Thạc sỹ (được cấp bằng): 01</p>
64.	<p>Xây dựng giải pháp nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên Đại học Quốc gia Hà Nội trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá được thực trạng kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên Đại học Quốc gia Hà Nội và khả năng đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động.</li> <li>- Chỉ ra được hệ thống chính sách, cơ chế, điều kiện ảnh hưởng đến phát triển kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên Đại học Quốc gia Hà Nội.</li> <li>- Đề xuất được các giải pháp nhằm nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên Đại học Quốc gia Hà Nội đáp ứng yêu cầu thị trường lao động trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.</li> </ul>	<p><b>1. Kết quả khoa học</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực trạng trình độ, năng lực, kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên Đại học Quốc gia Hà Nội và khả năng đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động.</li> <li>- Báo cáo tổng hợp về hệ thống chính sách, cơ chế, điều kiện ảnh hưởng đến phát triển kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên ở Đại học Quốc gia Hà Nội.</li> <li>- Các giải pháp nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên Đại học Quốc gia Hà Nội đáp ứng yêu cầu thị trường lao động trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.</li> </ul> <p><b>2. Sản phẩm công bố</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài báo quốc tế thuộc hệ thống Web of Science, Scopus: 01</li> <li>- Sản phẩm chuyên giao (báo cáo tư vấn chính sách, hợp đồng chuyên giao công nghệ, hợp đồng dịch vụ công nghệ,...): 01</li> </ul> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo</b>          Thạc sỹ (được cấp bằng): 01</p>
65.	<p>Nghiên cứu thực trạng, đề xuất giải pháp nâng cao hiệu</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá được thực trạng, tính hiệu quả, thành tựu và hạn chế của hoạt động phản biện xã hội trên báo điện tử Việt Nam giai</li> </ul>	<p><b>1. Kết quả khoa học</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực trạng, tính hiệu quả, thành tựu và hạn chế của hoạt động phản biện xã hội trên báo điện tử Việt Nam giai đoạn 2016-2021.</li> </ul>



	<p>quả phản biện xã hội trên báo điện tử ở Việt Nam trong bối cảnh hiện nay</p>	<p>đoạn 2016-2021.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dự báo được xu hướng và các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả phản biện xã hội của báo điện tử trong bối cảnh hiện nay.</li> <li>- Đề xuất được các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả phản biện xã hội của báo điện tử trong bối cảnh hiện nay.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xu hướng và các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả phản biện xã hội của báo điện tử trong bối cảnh hiện nay.</li> <li>- Giải pháp nâng cao hiệu quả phản biện xã hội của báo điện tử trong bối cảnh hiện nay.</li> </ul> <p><b>2. Sản phẩm công bố</b>          Bài báo quốc tế thuộc hệ thống Web of Science, Scopus: 01</p> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo</b>          Thạc sỹ (được cấp bằng): 01</p>
<b>7. Hội đồng Khoa học Nhân văn và Nghệ thuật</b>			
66.	<p>Tài liệu khâu vấn về Chiến tranh bảo vệ Biên giới phía Bắc năm 1979 - Giá trị tư liệu và đề xuất chính sách</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống hóa được cơ sở lý luận và thực tiễn về tài liệu khâu vấn; đánh giá tiềm năng, giá trị của tài liệu khâu vấn đối với hoạt động nghiên cứu khoa học.</li> <li>- Suru tầm, xây dựng được bộ tài liệu khâu vấn về Chiến tranh bảo vệ Biên giới phía Bắc thông qua phỏng vấn các nhân chứng lịch sử liên quan.</li> <li>- Đề xuất được chính sách quản lý, khai thác và phát huy giá trị tài liệu khâu vấn đối với các cơ quan hữu trách, đặc biệt là các cơ quan lưu trữ ở Việt Nam.</li> </ul>	<p><b>1. Kết quả khoa học</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ sở lý luận và thực tiễn, tiềm năng, giá trị của tài liệu khâu vấn.</li> <li>- Bộ tài liệu khâu vấn về Chiến tranh bảo vệ Biên giới phía Bắc thông qua phỏng vấn các nhân chứng lịch sử liên quan.</li> <li>- Báo cáo đề xuất chính sách về quản lý, khai thác và phát huy giá trị tài liệu khâu vấn gửi: Bộ Quốc phòng; Hội cựu chiến binh; Cục Văn thư-Lưu trữ Nhà nước, các Trung tâm Lưu trữ Quốc gia...</li> </ul> <p><b>2. Sản phẩm công bố</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài báo quốc tế không thuộc hệ thống Web of Science, Scopus: 01</li> <li>- Bài báo trên các tạp chí khoa học của ĐHQGHN, tạp chí khoa học chuyên ngành quốc gia hoặc báo cáo khoa học đăng trong kỷ yếu hội nghị quốc tế: 2</li> </ul> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo</b>          Thạc sỹ (được cấp bằng): 1</p>
67.	<p>Nghiên cứu di sản từ tiếp cận Công ước UNESCO, đề xuất chính sách phát huy di sản ở Việt Nam trong bối cảnh hiện nay</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng được hệ thống cơ sở lý luận và thực tiễn về quản lý, bảo vệ và thực hành di sản của các cộng đồng dân tộc ở Việt Nam trong bối cảnh hiện nay theo Công ước Di sản Thế giới của UNESCO.</li> <li>- Thiết lập được bộ công cụ giám sát việc quản lý, bảo vệ và thực hành di sản cho các cơ quan quản lý ở trung ương và địa phương.</li> <li>- Xây dựng được bộ cơ sở dữ liệu số hóa</li> </ul>	<p><b>1. Kết quả khoa học</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ sở lý luận và thực tiễn về quản lý, bảo vệ và thực hành di sản ở Việt Nam theo Công ước Di sản Thế giới của UNESCO.</li> <li>- Bộ công cụ giám sát quản lý, bảo vệ và thực hành di sản cho các cơ quan quản lý ở trung ương và địa phương.</li> <li>- Bộ cơ sở dữ liệu số hóa bằng tiếng Anh và tiếng Việt về di sản phục vụ đào tạo tại ĐHQGHN.</li> <li>- Báo cáo đề xuất chính sách về định chế di sản, di sản hóa, chính trị hóa di sản, quản trị di sản ở cấp độ quốc gia.</li> </ul> <p><b>2. Sản phẩm công bố</b></p>

		<p>bằng tiếng Anh và tiếng Việt về di sản phục vụ đào tạo tại ĐHQGNN.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề xuất được chính sách về định chế di sản, di sản hóa, chính trị hóa di sản, quản trị di sản ở cấp độ quốc gia.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science (SCI, SCIE, SSCI và A&amp;HCI): 01</li> <li>- Đăng ký sở hữu trí tuệ (ghi rõ loại hình): 01 (Bản quyền tác giả Bộ công cụ (Kit) giám sát việc quản lý, bảo vệ và thực hành di sản).</li> <li>- Báo cáo tư vấn chính sách: 01</li> </ul> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu sinh (hỗ trợ đào tạo): 01</li> <li>- Thạc sỹ (được cấp bằng): 02</li> </ul>
68.	<p>Âm nhạc Công giáo ở miền Bắc từ Thư Chung năm 1980 đến nay: đề xuất giải pháp bảo tồn, phát huy giá trị trong bối cảnh hiện nay</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích, chỉ rõ được nội dung, quan điểm trong Thư Chung năm 1980 liên quan đến bảo tồn, phát huy giá trị truyền thống dân tộc trong đời sống Phúc âm và trong văn hóa Việt Nam.</li> <li>- Đánh giá được thực trạng, những vấn đề đặt ra của văn hóa âm nhạc Công giáo ở miền Bắc từ Thư Chung năm 1980 đến nay; qua đó chỉ rõ vai trò, tác động đối với đời sống giáo dân và sự đóng góp phát triển văn hoá Việt Nam đương đại.</li> <li>- Đề xuất được giải pháp bảo tồn, phát huy giá trị âm nhạc Công giáo trong bối cảnh hiện nay.</li> </ul>	<p><b>1. Kết quả khoa học</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nội dung, quan điểm trong Thư Chung năm 1980 liên quan đến bảo tồn, phát huy giá trị truyền thống dân tộc trong đời sống Phúc âm và trong văn hóa Việt Nam.</li> <li>- Thực trạng, vai trò, tác động của âm nhạc Công giáo đối với đời sống giáo dân và sự phát triển văn hoá Việt Nam đương đại.</li> <li>- Giải pháp bảo tồn, phát huy giá trị âm nhạc Công giáo trong bối cảnh hiện nay.</li> </ul> <p><b>2. Sản phẩm công bố</b></p> <p>Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Scopus: 01</p> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo</b></p> <p>Thạc sỹ (được cấp bằng): 1</p>
69.	<p>Di sản đền tháp Phật giáo Champa: Đánh giá giá trị và đề xuất giải pháp bảo tồn, phát huy trong bối cảnh hiện nay</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích, chỉ rõ được lịch sử phát triển và vai trò của Phật giáo ở Champa; những đặc trưng, tính chất của hệ thống di sản đền tháp Phật giáo Champa, đặt trong mối quan hệ với các nước trong khu vực.</li> <li>- Đánh giá được hiện trạng, những vấn đề đang đặt ra trong công tác quản lý, bảo tồn, phát huy giá trị hệ thống di sản đền tháp Phật giáo Champa ở Việt Nam hiện nay.</li> <li>- Đề xuất được các giải pháp bảo tồn, quản lý, phát huy giá trị hệ thống di sản đền tháp</li> </ul>	<p><b>1. Kết quả khoa học</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo tổng hợp về lịch sử phát triển và vai trò của Phật giáo ở Champa; những đặc trưng, tính chất của hệ thống di sản đền tháp Phật giáo Champa.</li> <li>- Bản đồ GIS thể hiện những thông tin cơ bản về hệ thống di tích đền tháp Phật giáo Champa.</li> <li>- Hiện trạng và những vấn đề đang đặt ra trong công tác quản lý, bảo tồn, phát huy giá trị hệ thống di tích đền tháp Phật giáo Champa.</li> <li>- Các giải pháp bảo tồn, quản lý, phát huy giá trị hệ thống di sản đền tháp Phật giáo Champa trong bối cảnh hiện nay.</li> </ul> <p><b>2. Sản phẩm công bố</b></p>

		Phật giáo Champa trong bối cảnh hiện nay.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài báo quốc tế không thuộc hệ thống Web of Science, Scopus: 01</li> <li>- Bài báo trên các tạp chí khoa học của ĐHQGHN, tạp chí khoa học chuyên ngành quốc gia hoặc báo cáo khoa học đăng trong kỷ yếu hội nghị quốc tế: 02</li> <li>- Kết quả dự kiến được ứng dụng tại các cơ quan hoạch định chính sách hoặc cơ sở ứng dụng KH&amp;CN: 01</li> </ul> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo</b> Thạc sỹ (được cấp bằng): 01</p>
70.	Tính xác định trong danh ngữ tiếng Việt	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chỉ rõ được phương tiện có chức năng tương đương với quán từ trong tiếng Việt; vận dụng các thủ pháp ngôn ngữ học để phân biệt “tính xác định” với “tính bất định”. “tính đã biết”, từ đó mô tả những khác biệt giữa các phần tử quan yếu và tổng hợp những tính chất khái quát của chúng.</li> <li>- Làm rõ được ý nghĩa của việc xác định quán từ trong tiếng Việt, qua đó nhận thức sâu sắc hơn về các lớp cấu trúc và các tầng ngữ nghĩa gắn với từng lớp cấu trúc trong danh ngữ tiếng Việt.</li> <li>- So sánh, chỉ rõ được sự tương đồng và khác biệt giữa tiếng Việt với các ngôn ngữ khác có hệ thống quán từ rõ rệt (như tiếng Anh, tiếng Pháp) và các ngôn ngữ không có quán (tiếng Trung, tiếng Thái).</li> </ul>	<p><b>1. Kết quả khoa học</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tính xác định của danh ngữ tiếng Việt, phương tiện ngữ pháp mà tiếng Việt sử dụng để đánh dấu tính xác định trong sự so sánh với các ngôn ngữ khác.</li> <li>- Những sắc thái ngữ nghĩa của tiếng Việt trong tương quan so sánh với các ngôn ngữ khác (tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Trung, tiếng Thái).</li> </ul> <p><b>2. Sản phẩm công bố</b> Bài báo công bố trên tạp chí khoa học quốc tế theo hệ thống ISI/Scopus: 01</p> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo</b> Thạc sỹ (được cấp bằng): 01</p>
<b>8. Hội đồng Khoa học và Công nghệ Giáo dục</b>			
71.	Hỗ trợ xã hội và sức khỏe tinh thần của người lao động trong bối cảnh đại dịch Covid-19	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng được cơ sở lý thuyết và thực tiễn về hỗ trợ xã hội và mối liên hệ của nó với sức khỏe tinh thần của người lao động, đặc biệt trong bối cảnh đại dịch.</li> <li>- Khảo sát, đánh giá được thực trạng hỗ trợ xã hội và sức khỏe tinh thần của người lao động trong bối cảnh diễn biến phức tạp của</li> </ul>	<p><b>1. Kết quả khoa học</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ sở lý thuyết và thực tiễn về hỗ trợ xã hội và mối liên hệ với sức khỏe tinh thần của người lao động trong bối cảnh đại dịch.</li> <li>- Thực trạng hỗ trợ xã hội và sức khỏe tinh thần của người lao động trong bối cảnh diễn biến phức tạp của đại dịch Covid-19.</li> <li>- Giải pháp nhằm tăng cường các hình thức hỗ trợ xã hội trong mối liên hệ với đời sống tinh thần của người lao động trong bối cảnh đại dịch.</li> </ul>

		<p>đại dịch Covid-19.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề xuất được các giải pháp nhằm tăng cường các hình thức hỗ trợ xã hội trong mối liên hệ với đời sống tinh thần của người lao động trong bối cảnh đại dịch.</li> </ul>	<p><b>2. Sản phẩm công bố</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science (SCI, SCIE, SSCI và A&amp;HCI): 01</li> <li>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science, Scopus: 01</li> </ul> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu sinh (hỗ trợ đào tạo): 01</li> <li>- Thạc sỹ (được cấp bằng): 01</li> </ul>
72.	<p>Nghiên cứu, đề xuất giải pháp ứng dụng công nghệ học máy hỗ trợ người lớn giáo dục trẻ 0-36 tháng tuổi ở gia đình</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng được cơ sở khoa học của việc ứng dụng công nghệ học máy hỗ trợ người lớn giáo dục trẻ từ 0 đến 36 tháng tuổi tại gia đình.</li> <li>- Đánh giá được thực trạng ứng dụng công nghệ học máy hỗ trợ người lớn giáo dục trẻ em tại gia đình ở Việt Nam hiện nay.</li> <li>- Đề xuất được các giải pháp ứng dụng công nghệ học máy trong hỗ trợ người lớn nhằm tạo ra hệ sinh thái và hệ thống tư vấn tự động (chatbot) giáo dục trẻ từ 0-36 tháng tuổi tại gia đình.</li> </ul>	<p><b>1. Kết quả khoa học</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ sở khoa học của việc ứng dụng công nghệ học máy hỗ trợ người lớn giáo dục trẻ từ 0 đến 36 tháng tuổi tại gia đình.</li> <li>- Thực trạng ứng dụng công nghệ học máy hỗ trợ người lớn giáo dục trẻ em tại gia đình ở Việt Nam hiện nay.</li> <li>- Phần mềm hỗ trợ người lớn tự động về giáo dục trẻ từ 0 đến 36 tháng tuổi.</li> <li>- Trang cộng đồng hỗ trợ người lớn giáo dục trẻ từ 0 đến 36 tháng tuổi.</li> <li>- Giải pháp hỗ trợ người lớn giáo dục trẻ từ 0-36 tháng tuổi bằng công nghệ học máy.</li> </ul> <p><b>2. Sản phẩm công bố</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science, Scopus: 01</li> <li>- Sản phẩm chuyên giao (báo cáo tư vấn chính sách, hợp đồng chuyên giao công nghệ, hợp đồng dịch vụ công nghệ,...): 01</li> </ul> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo</b></p> <p>Thạc sỹ (được cấp bằng): 01</p>
73.	<p>Xây dựng tập dữ liệu quản lý sinh viên dựa trên công nghệ học máy để dự báo các nhân tố ảnh hưởng tới kết quả học tập</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng được tập dữ liệu quản lý sinh viên (gồm nhiều trường thông tin, nhiều tham số đại diện, ảnh hưởng qua lại lẫn nhau và hình thành nên định hướng nghề nghiệp của sinh viên), trực tiếp ảnh hưởng tới quá trình đào tạo và cơ hội việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp.</li> <li>- Xây dựng được bộ dữ liệu tập huấn dùng</li> </ul>	<p><b>1. Kết quả khoa học</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dữ liệu quản lý sinh viên gồm nhiều trường thông tin, nhiều tham số đại diện, ảnh hưởng qua lại lẫn nhau đáp ứng mục tiêu đặt ra.</li> <li>- Bộ dữ liệu tập huấn dùng cho học máy để phục vụ công tác quản lý, điều hành hoạt động đào tạo, tập trung vào việc dự đoán kết quả học tập của sinh viên tại các trường đại học.</li> <li>- Kết quả thử nghiệm chương trình sử dụng kỹ thuật học máy để dự đoán kết quả học tập của sinh viên.</li> </ul>

		<p>cho học máy để phục vụ công tác quản lý, điều hành hoạt động đào tạo, tập trung vào việc dự đoán kết quả học tập của sinh viên tại các trường đại học (trường hợp Trường đại học giáo dục, ĐHQGHN).</p> <p>- Xây dựng, thử nghiệm được chương trình sử dụng kỹ thuật học máy để dự đoán kết quả học tập của sinh viên (trường hợp Trường đại học giáo dục, ĐHQGHN).</p> <p>- Đề xuất được các giải pháp về chiến lược, chính sách đào tạo nhằm nâng cao chất lượng đào tạo trong cơ sở giáo dục đại học.</p>	<p>- Giải pháp về chiến lược, chính sách đào tạo nhằm nâng cao chất lượng đào tạo trong cơ sở giáo dục đại học.</p> <p><b>2. Sản phẩm công bố</b></p> <p>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science, Scopus: 01</p> <p>- Sản phẩm chuyên giao (báo cáo tư vấn chính sách, hợp đồng chuyển giao công nghệ, hợp đồng dịch vụ công nghệ,...): 1</p> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo</b></p> <p>Thạc sỹ (được cấp bằng): 2</p>
74.	Xây dựng công học liệu thực tế ảo “mở” phục vụ thiết kế mô hình không gian cho giảng dạy và thực hành nghề nghiệp tại trường đại học (nghiên cứu trường hợp tại Đại học Quốc gia Hà Nội)	<p>- Xây dựng được cơ sở lý luận và thực tiễn về học liệu thực tế ảo “mở” phục vụ thiết kế mô hình không gian cho giảng dạy và thực hành nghề nghiệp tại trường đại học.</p> <p>- Đánh giá được thực trạng ứng dụng công nghệ hình ảnh tương tác ảo trong giảng dạy tại ĐHQGHN.</p> <p>- Xây dựng được nền tảng công nghệ và Website hỗ trợ người dùng thiết kế các mô hình không gian thực tế ảo tùy chỉnh phục vụ đào tạo tại ĐHQGHN.</p>	<p><b>1. Kết quả khoa học</b></p> <p>- Cơ sở lý luận và thực tiễn về học liệu thực tế ảo “mở” phục vụ thiết kế mô hình không gian cho giảng dạy và thực hành nghề nghiệp tại trường đại học.</p> <p>- Thực trạng ứng dụng công nghệ hình ảnh tương tác ảo trong giảng dạy tại ĐHQGHN.</p> <p>- Nền tảng công nghệ và Website hỗ trợ người dùng thiết kế các mô hình không gian thực tế ảo tùy chỉnh phục vụ đào tạo tại ĐHQGHN.</p> <p><b>2. Sản phẩm công bố</b></p> <p>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science (SCI, SCIE, SSCI và A&amp;HCI): 01</p> <p>- Đăng ký sở hữu trí tuệ (ghi rõ loại hình): 01</p> <p>- Sản phẩm chuyên giao (báo cáo tư vấn chính sách, hợp đồng chuyển giao công nghệ, hợp đồng dịch vụ công nghệ,...): 01</p> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo</b></p> <p>Thạc sỹ (được cấp bằng): 01</p>
75.	Đề xuất giải pháp nâng cao kết quả học tập môn Toán của học sinh trung học phổ thông tại các tỉnh Tây Bắc	<p>- Xây dựng được cơ sở lý thuyết và thực tiễn xác định các yếu tố ảnh hưởng và mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đó đến kết quả học tập môn Toán của học sinh trung học phổ thông trên địa bàn các tỉnh Tây Bắc.</p> <p>- Xây dựng được mô hình dự đoán kết quả</p>	<p><b>1. Kết quả khoa học</b></p> <p>- Cơ sở lý thuyết và thực tiễn xác định các yếu tố ảnh hưởng, mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến kết quả học tập môn Toán của học sinh trung học phổ thông trên địa bàn các tỉnh Tây Bắc.</p> <p>- Mô hình dự đoán kết quả học tập môn Toán của học sinh trung học phổ thông trên địa bàn các tỉnh Tây Bắc.</p>

		<p>học tập môn Toán của học sinh trung học phổ thông trên địa bàn các tỉnh Tây Bắc.</p> <p>- Đề xuất được các giải pháp, khuyến nghị nâng cao kết quả học tập môn Toán của học sinh trung học phổ thông tại các tỉnh Tây Bắc.</p>	<p>- Giải pháp, khuyến nghị nâng cao kết quả học tập môn Toán của học sinh trung học phổ thông tại các tỉnh Tây Bắc.</p> <p><b>2. Sản phẩm công bố</b></p> <p>- Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science (SCI, SCIE, SSCI và A&amp;HCI): 01</p> <p>- Sản phẩm chuyên giao (báo cáo tư vấn chính sách, hợp đồng chuyên giao công nghệ, hợp đồng dịch vụ công nghệ,...): 01</p> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo</b></p> <p>Thạc sỹ (được cấp bằng): 01</p>
76.	<p>Phát triển cộng đồng học tập chuyên nghiệp cho giáo viên phổ thông đáp ứng yêu cầu dạy học blended learning</p>	<p>- Xây dựng được cơ sở lý luận và thực tiễn về cộng đồng học tập chuyên môn, phát triển cộng đồng học tập chuyên nghiệp cho giáo viên đáp ứng yêu cầu dạy học blended learning ở trường phổ thông.</p> <p>- Đánh giá được thực trạng cộng đồng học tập chuyên môn ở trường phổ thông trong bối cảnh yêu cầu dạy học blended learning ở Việt Nam hiện nay.</p> <p>- Đề xuất được các nhóm giải pháp phát triển cộng đồng học tập chuyên nghiệp cho giáo viên ở trường phổ thông đáp ứng yêu cầu dạy học blended learning.</p>	<p><b>1. Kết quả khoa học</b></p> <p>- Cơ sở lý luận và thực tiễn về cộng đồng học tập chuyên môn, phát triển cộng đồng học tập chuyên nghiệp cho giáo viên đáp ứng yêu cầu dạy học blended learning ở trường phổ thông;</p> <p>- Thực trạng cộng đồng học tập chuyên môn ở trường phổ thông trong bối cảnh yêu cầu dạy học blended learning ở Việt Nam hiện nay;</p> <p>- Giải pháp phát triển cộng đồng học tập chuyên nghiệp cho giáo viên ở trường phổ thông đáp ứng yêu cầu dạy học blended learning.</p> <p><b>2. Sản phẩm công bố</b></p> <p>Bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Web of Science, Scopus: 01</p> <p><b>3. Sản phẩm đào tạo</b></p> <p>Thạc sỹ (được cấp bằng): 01</p>

Danh mục gồm 76 đề tài./.